



BỘ TƯ PHÁP



LIÊN MINH CHÂU ÂU

unicef   
for every child

UNICEF VIỆT NAM



# TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI  
TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG  
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT  
VÀ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT



EU JULE

**Nhóm tác giả:**

1. Ths. Phan Hồng Nguyên
2. Ths. Vũ Kim Dung
3. Ths. Thái Thị Hải Yến

**Biên tập**

Ths. Lê Thị Thiều Hoa

Tài liệu hướng dẫn này là một sản phẩm của dự án Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam” (EU JULE) được tài trợ bởi Liên minh Châu Âu, với đóng góp tài chính từ UNICEF và UNDP. Chương trình do hai cơ quan này của Liên Hợp Quốc thực hiện, với sự phối hợp của Bộ Tư pháp và các cơ quan của Việt Nam.

This Guideline is a product of the EU Justice and Legal Empowerment Programme in Viet Nam (EU JULE) funded by the European Union with financial contributions from UNDP and UNICEF. The Program is implemented by these two UN agencies in cooperation with the Ministry of Justice of Viet Nam.

# Danh mục từ viết tắt

BĐG	Bình đẳng giới
BST	Ban soạn thảo
CCVC	Công chức viên chức
CEDAW	Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ
CQQLNN	Cơ quan quản lý nhà nước
ĐGTĐ	Đánh giá tác động
ĐGTĐG	Đánh giá tác động giới
ĐBQH	Đại biểu Quốc hội
DVC	Dịch vụ công
GIA	Đánh giá tác động giới
HĐND	Hội đồng nhân dân
HLHPN	Hội Liên hiệp Phụ nữ
LGVĐVĐG	Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới
PBGDPL	Phổ biến giáo dục pháp luật
SIA	Đánh giá tác động xã hội
TBT	Tổ biên tập
TTHC	Thủ tục hành chính
UBND	Ủy ban nhân dân
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật



# MỤC LỤC

Lời nói đầu .....6

**PHẦN THỨ NHẤT .....7**

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG.....7**

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, NỘI DUNG VỀ GIỚI VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI.....8

1. Giới .....8

2. Vai trò giới.....8

3. Định kiến giới.....8

4. Phân biệt đối xử về giới .....9

5. Bất bình đẳng giới..... 11

6. Bạo lực trên cơ sở giới ..... 11

7. Bạo lực gia đình ..... 12

8. Nhạy cảm giới..... 13

9. Trách nhiệm giới..... 13

10. Bình đẳng giới ..... 13

11. Lồng ghép giới ..... 14

12. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ..... 15

13. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ..... 15

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ LIÊN QUAN TỚI QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG TÀI LIỆU..... 16

1. Văn kiện quốc tế ..... 16

2. Các văn bản của Đảng, pháp luật của Nhà nước..... 17

**PHẦN THỨ HAI..... 18**

**LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ..... 18**

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG ..... 19

1. Mục tiêu lồng ghép vấn đề BDG trong xây dựng VBQPPL..... 19

2. Yêu cầu lồng ghép vấn đề BDG trong xây dựng VBQPPL ..... 19

3. Nội dung lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật .....20

4. Quy trình xây dựng VBQPPL..... 21

II. LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG XÂY DỰNG VĂN BẢN QPPL CỦA ĐỊA PHƯƠNG ..... 22

1. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân ..... 22

2. Thực hiện lồng ghép vấn đề BDG trong giai đoạn soạn thảo ..... 40

## **PHẦN THỨ BA .....47**

### **LỒNG GHÉP BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT .....47**

#### **I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG .....48**

1. Cơ sở chính trị, pháp lý của lồng ghép giới trong phổ biến, giáo dục pháp luật .....48
2. Khái niệm lồng ghép bình đẳng giới trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.....49
3. Yêu cầu lồng ghép bình đẳng giới trong hoạt động PBGDPL.....49
4. Nội dung lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong PBGDPL .....50

#### **II. CÁC BƯỚC CỤ THỂ ĐỂ LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT .....50**

1. Xác định đối tượng phổ biến, giáo dục pháp luật .....50
2. Lựa chọn nội dung pháp luật liên quan đến vấn đề bình đẳng giới được phổ biến và hình thức PBGDPL .....50
3. Lựa chọn báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật .....51
4. Lựa chọn địa điểm phổ biến, giáo dục pháp luật trực tiếp .....51
5. Lựa chọn thời điểm phổ biến phù hợp với đối tượng, địa bàn.....52
6. Xây dựng Kế hoạch tổ chức hoạt động lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong phổ biến, giáo dục pháp luật .....52
7. Tổ chức thực hiện Kế hoạch .....53

#### **III. MỘT SỐ HÌNH THỨC LỒNG GHÉP BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG HOẠT ĐỘNG PBGDPL.....54**

1. Lồng ghép bình đẳng giới trong phổ biến pháp luật trực tiếp.....54
2. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong PBGDPL thông qua hoạt động tư vấn pháp luật; trợ giúp pháp lý .....54
3. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong PBGDPL thông qua sinh hoạt văn hóa, văn nghệ .....55
4. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong PBGDPL thông qua sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật.....55
5. Biên soạn và phát hành các loại tài liệu PBGDPL về bình đẳng giới .....56
6. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong PBGDPL trên các phương tiện thông tin đại chúng .....56
7. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong tổ chức các loại hình thi tìm hiểu pháp luật .....57
8. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong tổ chức giao lưu trực tuyến về pháp luật .....58
9. Lồng ghép bình đẳng giới trong PBGDPL tại nhà tạm lánh.....58
10. Lồng ghép bình đẳng giới thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở .....59

## **PHỤ LỤC .....62**

### **DANH MỤC NGUỒN THÔNG TIN HỮU ÍCH CHO ĐGTĐCS.....62**

# Lời nói đầu

Bình đẳng là quyền con người cơ bản và là thước đo quan trọng để đánh giá mức độ tiến bộ và phát triển của xã hội. Chính vì vậy, trong quá trình phát triển của mình, bên cạnh các mục tiêu về tăng trưởng kinh tế, xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh thì bình đẳng giới luôn là mục tiêu ưu tiên mà các quốc gia hướng đến.

Với quyết tâm chính trị cao, trong những năm qua, Việt Nam đã đạt được những bước tiến quan trọng về thúc đẩy bình đẳng giới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội như chính trị, giáo dục đào tạo, lao động việc làm, chăm sóc sức khỏe sinh sản. Mặc dù vậy, Việt Nam vẫn đang phải đối diện với nhiều vấn đề giới, trong đó có vấn đề nhức nhối như tình trạng bạo lực đối với phụ nữ, buôn bán phụ nữ, xâm hại tình dục phụ nữ và trẻ em gái... Chỉ số bình đẳng giới (Gender Index) của Việt Nam trong giai đoạn vừa qua đã tụt hạng từ 71/189 quốc gia năm 2016<sup>1</sup> xuống vị trí 87/153 quốc gia năm 2019, xếp thứ 5/9 nước Đông Nam Á<sup>2</sup> sau Philippines, Lào, Singapore và Thái Lan.

Một trong những nguyên nhân sâu xa dẫn đến tình trạng bất bình đẳng giới là tư tưởng trọng nam khinh nữ, định kiến về vai trò của phụ nữ và nam giới trong đời sống xã hội.

Để góp phần xóa bỏ định kiến giới trong xã hội nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp chủ trương tăng cường lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong công tác xây dựng pháp luật, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

Với mục đích nêu trên, trong khuôn khổ Chương trình tăng cường Pháp luật và Tư pháp tại Việt Nam (EUJULE), với sự hỗ trợ của Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc, Bộ Tư pháp xây dựng Tài liệu hướng dẫn lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và phổ biến, giáo dục pháp luật dành cho các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương. Cuốn tài liệu sẽ là công cụ hữu ích giúp các cơ quan có thẩm quyền thực hiện hiệu quả việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương, từ đó góp phần vào việc nâng cao nhận thức xã hội về bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình đối với phụ nữ và trẻ em gái trên cơ sở giới.

1 Theo công bố của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc công bố tại Hà Nội năm 2017.

2 Theo Báo cáo khoảng cách giới toàn cầu do Diễn đàn kinh tế thực hiện năm 2019.

# PHẦN THỨ NHẤT

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG



# I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, NỘI DUNG VỀ GIỚI VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

## 1. GIỚI<sup>3</sup>



### *Giới chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội*

Giới là vấn đề mang tính xã hội và văn hoá, chỉ sự khác biệt được cho là thuộc tính của nam giới và phụ nữ, trẻ em trai và trẻ em gái, đồng thời nói đến vai trò và trách nhiệm của phụ nữ và nam giới. Vì thế, vai trò giới và các thuộc tính khác, luôn thay đổi theo thời gian và rất đa dạng tùy vào bối cảnh văn hoá khác nhau. Khái niệm giới cũng bao gồm cả mong đợi của xã hội về tính cách, năng lực và cả hành vi được cho là của phụ nữ và nam giới (nữ tính và nam tính).<sup>4</sup>

Giới khác với giới tính. Giới tính là thực tế khác biệt về mặt sinh học và sinh lý giữa nam và nữ. Giới tính là bẩm sinh, gắn liền với mỗi cá nhân từ khi sinh ra, đồng nhất ở khắp mọi nơi trên thế giới, trong các nền văn hóa khác nhau và không thay đổi theo thời gian. Ví dụ, phụ nữ ở bất cứ bất kỳ thời đại nào, ở bất kỳ nền văn hóa nào cũng đều có tử cung, có thể mang thai. Một người sinh ra là phụ nữ thì khi già đi cũng vẫn là phụ nữ (ở đây không đề cập đến nhóm người chuyển đổi giới tính, người đồng tính, song tính, lưỡng tính, vô tính v.v).

3 Điều 5 Luật Bình đẳng giới

4 UNICEF. Bình đẳng giới - Thuật ngữ và khái niệm. Văn phòng UNICEF khu vực Nam Á. 2017 <https://www.unicef.org/rosa/media/1761/file/Gender%20glossary%20of%20terms%20and%20concepts%20.pdf>

5 UNICEF. Bình đẳng giới - Thuật ngữ và khái niệm. Văn phòng UNICEF khu vực Nam Á. 2017 <https://www.unicef.org/rosa/media/1761/file/Gender%20glossary%20of%20terms%20and%20concepts%20.pdf>

Giới và giới tính tuy khác biệt nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

## 2. VAI TRÒ GIỚI

Vai trò giới<sup>6</sup> là các chuẩn mực về vai trò, hành vi ứng xử mà một xã hội, một nền văn hóa cụ thể nào đó mong đợi, gán cho nam giới và phụ nữ dựa trên những đặc điểm giới tính của họ. Các chuẩn mực này quy định trách nhiệm, nghĩa vụ, hành vi được phép hay không được phép cho phụ nữ và nam giới, cho trẻ em trai và trẻ em gái. Vai trò giới của phụ nữ và nam giới phụ thuộc vào cơ cấu hộ gia đình, khả năng tiếp cận nguồn lực, tác động của nền kinh tế toàn cầu, sự xuất hiện của những xung đột hay thảm họa thiên tai và các yếu tố có liên quan khác ở từng khu vực.

Ở hầu hết các nền văn hóa, vai trò giới của phụ nữ thường là nội trợ, phụ thuộc trong mối quan hệ với chồng; nam giới thường giữ vai trò hoạt động xã hội, tạo thu nhập và đưa ra quyết định trong gia đình.

## 3. ĐỊNH KIẾN GIỚI<sup>7</sup>

Khái niệm trên cho thấy, định kiến giới là nhận thức, đánh giá không đúng (thiên lệch, tiêu cực) về khả năng, vai trò, vị trí của phụ nữ và nam giới trong đời sống gia

6 UNICEF. Tài liệu Bình đẳng giới-chú giải thuật ngữ và khái niệm (Gender equality- 2017 (tr4). <https://www.unicef.org/rosa/media/1761/file/Gender%20glossary%20of%20terms%20and%20concepts%20.pdf>

7 Điều 5 Luật Bình đẳng giới.





## **Định kiến giới là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ.**

đình và xã hội. Do vậy, nó cản trở phụ nữ, nam giới thể hiện năng lực bản thân; hạn chế khả năng tham gia vào các quan hệ xã hội; giảm cơ hội tiếp cận và thụ hưởng các nguồn lực xã hội của họ. Định kiến giới có thể khác nhau ở từng quốc gia, dân tộc trong những bối cảnh kinh tế - xã hội, truyền thống văn hoá, phong tục, tập quán cụ thể.

Nhìn chung, định kiến giới tác động tiêu cực lên phụ nữ nhiều hơn nam giới. Tại một số quốc gia, vùng lãnh thổ, định kiến giới còn gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và chất lượng cuộc sống của phụ nữ và trẻ em gái. Theo Báo cáo tình trạng dân số thế giới năm 2020 do Tổ chức UNFPA thực hiện, định kiến giới như quan niệm thích con trai hơn con gái, “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” đã làm gia tăng vấn nạn lựa chọn giới tính thai nhi, tạo sự mất cân bằng về nhân khẩu học với mức độ “thiếu hụt” tới 142,6 triệu phụ nữ trên giới vào năm 2020, tăng gấp đôi trong vòng 50 năm qua, trong đó, số lượng trẻ sơ sinh nữ thiếu hụt là 1,5 triệu bé gái<sup>8</sup>.

Chính vì những tác động tiêu cực của định kiến giới đối với sự phát triển lành mạnh của xã hội, tại Điều 5 Công ước Quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) đã quy định như sau:

8 Số lượng nữ giới thiếu hụt trên thế giới-Hình 3.3. tr 49 Báo cáo tình trạng dân số thế giới 2020.

“Các nước tham gia Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp nhằm:

- Sửa đổi khuôn mẫu văn hoá, xã hội về hành vi của nam giới và nữ giới nhằm xoá bỏ các thành kiến, phong tục tập quán và các thói quen khác dựa trên tư tưởng cho giới này là hơn, giới kia là kém, hoặc dựa trên những kiểu mẫu rập khuôn về vai trò của nam giới và phụ nữ;
- Bảo đảm giáo dục về gia đình phải bao gồm sự hiểu biết đầy đủ về vai trò làm mẹ với tư cách là chức năng xã hội và thừa nhận trách nhiệm chung của cả nam giới và nữ giới trong việc nuôi dạy và phát triển con cái, lợi ích của con cái phải được nhận thức rõ là ưu tiên hàng đầu trong mọi trường hợp”.

## **4. PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VỀ GIỚI<sup>9</sup>**



### **Phân biệt đối xử về giới là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ, gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.**

Những quan niệm thiên lệch, sai lầm về khả năng, vai trò, vị trí của phụ nữ và nam giới dẫn đến việc cư xử khác nhau đối với phụ nữ và nam giới trong các mối quan hệ xã hội, gia đình, từ đó ngăn cản việc phát huy khả năng và thụ hưởng đầy đủ quyền con người của cả phụ nữ và nam giới. Sự phân biệt đối xử về giới diễn ra với nhiều hình thức và mức độ khác nhau.

9 Điều 5 Luật Bình đẳng giới

Tại Việt Nam cũng như ở nhiều quốc gia trên thế giới, sự phân biệt đối xử về giới thường dẫn đến những hệ quả bất lợi cho phụ nữ trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, cụ thể như: phụ nữ chiếm tỷ lệ lớn hơn nam giới trong nhóm lao động nghèo, có thu nhập thấp, dễ trở thành nạn nhân của tình trạng thiếu việc làm hoặc thất nghiệp; thời gian phụ nữ làm việc nhà thường gấp đôi nam giới và đó là công việc không được trả lương; phụ nữ ít được tiếp cận các nguồn lực sản xuất, giáo dục, phát triển kỹ năng và cơ hội việc làm hơn so với nam giới; phụ nữ và trẻ em gái là nạn nhân chủ yếu của tình trạng bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới, nạn buôn bán người. Thái độ thiên vị với nam giới đã làm cho bạo lực đối với phụ nữ gia tăng, bởi những hành vi bạo lực do nam giới gây ra với phụ nữ thường hay được xã hội bỏ qua hoặc ‘tha thứ’. Chính vì vậy, xóa bỏ phân biệt đối xử về giới cần được nhận thức rõ và gắn kết chặt chẽ đến hoạt động ngăn ngừa, xóa bỏ hành vi phân biệt đối xử, bạo lực đối với phụ nữ.

Để đảm bảo sự nhất quán về cơ sở pháp lý và quyết tâm chính trị trong việc xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ trên phạm vi toàn cầu, Điều 1 Công ước CEDAW đã quy định rõ: phân biệt đối xử với phụ nữ có nghĩa là bất kỳ sự phân biệt, loại trừ hay hạn chế nào dựa trên cơ sở giới tính làm ảnh hưởng hoặc nhằm mục đích làm tổn hại hoặc vô hiệu hoá việc phụ nữ được công nhận, thụ hưởng, hay thực hiện các quyền con người và những tự do cơ bản trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, dân sự và các lĩnh vực khác trên cơ sở bình đẳng nam nữ bất kể tình trạng hôn nhân của họ như thế nào.

Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị 1966 cũng đã khẳng định quyết tâm xóa bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ trên cơ sở giới với quy định cụ thể như sau:

*“Điều 2: Các quốc gia thành viên Công ước cam kết tôn trọng và bảo đảm cho mọi người trong phạm vi lãnh thổ và thẩm quyền tài phán của mình các quyền đã được công nhận trong Công ước này, không có bất kỳ sự phân biệt nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hoặc địa vị khác.*

*2. Trong trường hợp quy định trên đây chưa được thể hiện bằng các biện pháp lập pháp hoặc các biện pháp khác, thì mỗi quốc gia thành viên Công ước cam kết sẽ tiến hành các bước cần thiết, phù hợp với trình tự pháp luật nước mình và những quy định của Công ước này, để ban hành pháp luật và những biện pháp cần thiết khác nhằm thực hiện các quyền được công nhận trong Công ước này.*

*3. Các quốc gia thành viên Công ước cam kết:*

- a) Bảo đảm rằng bất cứ người nào bị xâm phạm các quyền và tự do như được công nhận trong Công ước này đều nhận được các biện pháp khắc phục hiệu quả, cho dù sự xâm phạm này là do hành vi của những người thừa hành công vụ gây ra;*
- b) Bảo đảm rằng bất kỳ người nào có yêu cầu về các biện pháp khắc phục sẽ được các cơ quan tư pháp, hành pháp hoặc lập pháp có thẩm quyền hoặc bất kỳ cơ quan nào khác có thẩm quyền do hệ thống pháp luật của quốc gia quy định, xác định quyền lợi cho họ và sẽ mở rộng khả năng áp dụng các biện pháp khắc phục mang tính tư pháp;*
- c) Đảm bảo rằng các cơ quan có thẩm quyền sẽ thi hành các biện pháp khắc phục đã được đề ra”.*

## 5. BẤT BÌNH ĐẲNG GIỚI<sup>10</sup>

Bất bình đẳng giới là tình trạng mà phụ nữ và nam giới được quy định có quyền, giá trị khác nhau trên các lĩnh vực pháp lý, văn hóa, xã hội do đặc điểm giới tính hay đặc điểm giới. Vì vậy, họ không được tiếp cận, thụ hưởng các quyền của mình một cách bình đẳng và phải đảm nhận các vai trò xã hội, văn hóa trên cơ sở những định kiến, quan niệm xã hội mang tính rập khuôn.

Đã có nhiều nghiên cứu ở cấp quốc gia và quốc tế về tình trạng bất bình đẳng giới. Hầu hết các nghiên cứu đều chỉ ra rằng, bất bình đẳng giới diễn ra trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từ kinh tế tới chính trị, từ trong gia đình đến ngoài xã hội, từ khu vực nhà nước tới tư nhân và trong các mối quan hệ xã hội đó, phụ nữ luôn có vị trí thấp hơn nam giới. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến bất bình đẳng giới, trong đó có nguyên nhân sâu xa là định kiến giới và phân biệt đối xử về giới.

## 6. BẠO LỰC TRÊN CƠ SỞ GIỚI

Bạo lực trên cơ sở giới<sup>11</sup> là một hình thức phân biệt đối xử nhằm vào một phụ nữ hoặc gây ra sự mất công bằng đối với phụ nữ.

Bạo lực trên cơ sở giới, theo nghĩa gốc, là “bạo lực đối với một người bởi vì cô ấy là phụ nữ, hoặc bạo lực gây ảnh hưởng không nhỏ đối với phụ nữ. Bạo lực giới bao gồm các hành vi gây ra thương tổn hay đau đớn hoặc chịu đựng về thể xác, tinh thần, hoặc tình dục, các hành vi đe dọa gây ra những hành vi trên, ép buộc hoặc tước đoạt tự do.” “Bạo lực trên cơ sở giới làm tổn hại hoặc vô hiệu việc phụ nữ thụ hưởng các quyền con người và các quyền tự do cơ bản theo luật pháp chung của

10 Theo Viện nghiên cứu bình đẳng giới của Châu Âu (<https://eige.europa.eu/thesaurus/terms/1211>)

11 Công ước CEDAW 1992, Khuyến nghị chung số 19, đoạn 16.

quốc tế hoặc theo các công ước quốc tế về nhân quyền, là hành vi phân biệt đối xử như quy định tại Điều 1 Công ước CEDAW.”<sup>12</sup>

Như vậy, bạo lực trên cơ sở giới phải được hiểu là: (i) bạo lực thể xác, tình dục và tâm lý xảy ra trong gia đình như hành vi đánh đập, bóc lột tình dục, lạm dụng tình dục trẻ em trong gia đình, bạo lực liên quan đến của hồi môn, cưỡng hiếp trong hôn nhân, cắt bỏ bộ phận sinh dục nữ và các hủ tục khác gây hại đến phụ nữ; (ii) bạo lực thể xác, tình dục và tâm lý xảy ra trong cộng đồng, bao gồm: cưỡng hiếp, lạm dụng tình dục, quấy rối và sàm sỡ tình dục tại nơi làm việc, trong các cơ sở giáo dục hoặc bất kỳ đâu; buôn bán phụ nữ và mại dâm cưỡng bức; (iii) bạo lực thể xác, tình dục và tâm lý gây ra hoặc bị bỏ qua bởi nhà nước và các tổ chức hoặc ở bất cứ đâu<sup>13</sup>. Các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi khi sinh, tảo hôn, hôn nhân cưỡng bức, các thủ thuật y tế đối với phụ nữ khuyết tật khi chưa được họ đồng ý, hình sự hóa đối với phụ nữ mại dâm<sup>14</sup> chính là những biểu hiện cụ thể thường gặp của bạo lực trên cơ sở giới.

Thuật ngữ “bạo lực trên cơ sở giới” nêu bật khía cạnh giới, nói cách khác là về mối quan hệ giữa (1) vị thế phụ thuộc của người phụ nữ trong xã hội và (2) mức độ dễ bị tổn thương ngày càng tăng của phụ nữ đối với bạo lực do quan hệ quyền lực bất bình đẳng và các vai trò giới. Việc sử dụng thuật ngữ “bạo lực trên cơ sở giới” đưa ra bối cảnh để phân tích và hiểu rõ hơn hiện tượng bạo lực đối với phụ nữ. Thuật ngữ này chuyển trọng tâm từ việc phụ nữ là nạn nhân sang vấn đề giới và quan hệ quyền lực không bình đẳng giữa nam giới và nữ giới, do các định kiến giới tạo ra và duy trì như là nguyên nhân căn bản dẫn đến tình trạng bạo lực đối

12 Các Khuyến nghị chung của Ủy ban CEDAW về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ 1992

13 Tài liệu Thảo luận của Liên hiệp quốc: Từ bạo lực gia đình đến bạo lực giới tại Việt Nam-mối liên hệ giữa các hình thức bạo lực, năm 2014.

14 Khuyến nghị chung số 35 của Ủy ban CEDAW.

với phụ nữ. Nghĩa là phụ nữ cũng có thể là nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới do những người phụ nữ khác gây ra khi muốn củng cố trật tự gia trưởng trong gia đình, ví dụ như bạo lực do chính mẹ đẻ hoặc mẹ chồng của họ gây ra. Điều quan trọng cần lưu ý là thuật ngữ này ngày càng được sử dụng theo nghĩa rộng hơn bao gồm quan điểm rằng nam giới và trẻ em trai cũng có thể là nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới, đặc biệt là bạo lực tình dục, cũng như đối với những ai không tuân theo vai trò giới khắt khe/truyền thống, trong đó có cả cộng đồng đồng tính nam, đồng tính nữ, song tính, chuyển giới, liên giới tính (LGBTI)<sup>15</sup>.

Tháng 3 năm 2019, Ủy ban Nhân quyền Liên Hợp Quốc đã ban hành các kết luận về Báo cáo quốc gia lần thứ ba của Việt Nam (CCPR/C/VNM/3) về thực thi Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị. Theo đó, Ủy ban đã khuyến nghị Việt Nam tiếp tục nỗ lực gấp đôi trong việc ngăn chặn và giải quyết tất cả các hình thức bạo lực trên cơ sở giới, hình sự hóa rõ ràng hành vi cưỡng hiếp trong hôn nhân và xâm hại tình dục, tăng cường các biện pháp nâng cao nhận thức về bạo lực gia đình và tác hại lên nạn nhân, loại bỏ các yếu tố dẫn tới sự chần chừ trong tố cáo tình trạng lạm dụng<sup>16</sup>.

## 7. BẠO LỰC GIA ĐÌNH<sup>17</sup>

Bạo lực gia đình liên quan đến các hành vi lạm dụng (về thể xác, tình dục, tinh thần, và bỏ mặc) xảy ra trong không gian riêng tư của gia đình, thường là giữa các cá nhân có quan hệ huyết thống hoặc quan hệ tình cảm. Trong hầu hết các trường hợp, hình thức bạo lực gia đình chủ yếu là “bạo lực do chồng/ bạn tình gây

15 UNFPA-Bộ LĐTBXH-TCTK. Nghiên cứu Quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam. Hành trình để thay đổi. 2019

16 Đoạn 22 trong Nhận xét kết luận của Ủy ban Nhân quyền Liên Hợp Quốc về Báo cáo định kỳ thực hiện Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị lần thứ 3 của Việt Nam

17 Điều 1 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình



**Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình.**

ra”, nhưng ở một số nơi, bạo lực chủ yếu lại do gia đình nhà chồng gây ra. Thuật ngữ “bạo lực gia đình” nên được sử dụng một cách cẩn trọng để tránh hiểu lầm, vì (1) thuật ngữ này thường trùng với “bạo lực do chồng/ bạn tình gây ra” và “bạo lực trên cơ sở giới” và (2) loại bạo lực này không chỉ xảy ra với phụ nữ. Bạo lực gia đình bao gồm cả bạo lực đối với trẻ em và người cao tuổi trong gia đình. Định nghĩa pháp lý về bạo lực gia đình có sự khác biệt giữa các quốc gia. Các định nghĩa này thường gồm cả bạo lực đối với người giúp việc sống cùng hộ gia đình<sup>18</sup>.

Theo quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 21/11/2007, hành vi bạo lực gia đình có chín nhóm hành vi. Các hành vi bạo lực gia đình rất đa dạng như hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng; lăng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng; ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau; cưỡng ép quan hệ tình dục; cưỡng ép tảo hôn; cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ; chiếm đoạt, huỷ hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành

18 UNFPA-Bộ LĐTBXH-TCTK. Nghiên cứu Quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam. Hành trình để thay đổi. 2019.

viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình; cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính; có hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở. Nói một cách khái quát, hành vi bạo lực gia đình bao gồm bốn dạng thức chính như: bạo lực thân thể, tinh thần, kinh tế và tình dục.

Ở Việt Nam, kết quả Điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ thực hiện năm 2019 cho thấy, cứ 03 phụ nữ thì có gần 02 phụ nữ (63%) bị một hoặc hơn một hình thức bạo lực thể xác, tình dục, tinh thần, bạo lực kinh tế hay kiểm soát hành vi do chồng gây ra trong đời. Tác hại của bạo lực gia đình không chỉ ở cấp độ cá nhân và gia đình mà còn ảnh hưởng tiêu cực tới sự phát triển kinh tế của đất nước, gây thiệt hại khoảng 1,8% GDP vào năm 2018<sup>19</sup>.

## 8. NHẠY CẢM GIỚI

Nhạy cảm giới<sup>20</sup> là việc nhận thức được, ý thức được những sự khác biệt về nhu cầu, vai trò, trách nhiệm giữa phụ nữ và nam giới dẫn đến khác biệt về khả năng tiếp cận, kiểm soát nguồn lực và mức độ tham gia, hưởng lợi của họ trong quá trình phát triển.

Từ đó các chính sách và chương trình cần tính đến những nhu cầu đặc thù của cả phụ nữ và nam giới để phân bổ đồng đều các nguồn lực, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới được tiếp cận và thụ hưởng đầy đủ quyền bình đẳng của mình, xóa bỏ bất bình đẳng giới trong thực tiễn.

19 UNFPA-Bộ LĐTBXH-TCTK. Nghiên cứu Quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam. Hành trình để thay đổi. 2019. Trang 27.

20 Viện nghiên cứu về bình đẳng giới Châu Âu (<https://eige.europa.eu/thesaurus/terms/1211>).

## 9. TRÁCH NHIỆM GIỚI

Trách nhiệm giới<sup>21</sup> đề cập đến việc nhận thức rõ về vai trò giới, bất bình đẳng giới và từ đó nỗ lực thúc đẩy sự tham gia, phân bổ công bằng, bình đẳng các lợi ích.

Các chương trình, chính sách có trách nhiệm giới là cần nhắc các yếu tố giới trong hoạch định và thực thi chính sách, cũng như tính đến những kết quả có thể có tác động khác nhau như thế nào đối với các nhóm đối tượng khác nhau. Các chương trình, chính sách mang tính trách nhiệm giới phải phản ánh được thực trạng, nhu cầu của phụ nữ và nam giới, của trẻ em trai và trẻ em gái ngay từ khi lựa chọn địa bàn, bố trí nhân lực thực hiện, trong từng cấu phần của chương trình dự án, trong phương thức giám sát hoạt động v.v. Trách nhiệm giới là phải quan tâm tới những nhu cầu đặc biệt của phụ nữ, coi trọng mong muốn của họ, tôn trọng kinh nghiệm của họ, thấu hiểu sự khác biệt trong quá trình phát triển giữa trẻ em trai và trẻ em gái, giữa phụ nữ và nam giới và cuối cùng là tăng quyền năng cho phụ nữ và trẻ em gái<sup>22</sup>.

## 10. BÌNH ĐẲNG GIỚI<sup>23</sup>

Đây là khái niệm nói về việc phụ nữ và nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái có điều kiện như nhau, được đối xử và có cơ hội như nhau để phát huy toàn diện năng lực, thực hiện quyền con người và giá trị của mình, để được đóng góp và thụ

21 Tài liệu “Bình đẳng giới-chú giải thuật ngữ và khái niệm” (Gender equality-Glossary of terms and concepts) do Văn phòng UNICEF khu vực Nam Á thực hiện năm 2017 (tr4) và Tài liệu hướng dẫn thông tin quốc gia mang tính trách nhiệm giới (Gender responsive national communication toolkit) do UNDP phối hợp với một số tổ chức xuất bản năm 2015 (tr7).

22 UNICEF. Bình đẳng giới- Thuật ngữ và khái niệm. Văn phòng UNICEF khu vực Nam Á. 2017 <https://www.unicef.org/rosa/media/1761/file/Gender%20glossary%20of%20terms%20and%20concepts%20.pdf>

23 Điều 5 Luật Bình đẳng giới



**Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.**

hưởng như nhau trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá và chính trị. Bình đẳng giới mang nội hàm rằng lợi ích, nhu cầu và ưu tiên của cả phụ nữ và nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái được cân nhắc, ghi nhận trong sự đa dạng của các nhóm khác biệt mà loài người được tự do phát triển năng lực của mình và được lựa chọn mà không bị hạn chế bởi những khuôn mẫu hay định kiến có sẵn về vai trò giới của họ. Bình đẳng giới không có nghĩa là phụ nữ và nam giới sẽ trở nên giống nhau, mà là quyền, trách nhiệm cũng như cơ hội của họ không phụ thuộc vào việc họ là nam giới hay phụ nữ. Bình đẳng giới là quyền con người và được coi là điều kiện tiên quyết, là chỉ số cho quá trình phát triển lấy con người làm trung tâm<sup>24</sup>.

Ở Việt Nam, quyền bình đẳng của phụ nữ và nam giới đã được thể chế hóa ngay từ những ngày đầu chính quyền được thành lập. Bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946 đã ghi nhận “Đàn bà ngang quyền đàn ông về mọi phương diện” và các Hiến pháp sửa đổi tiếp tục khẳng định: “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật”; “Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt”;

24 UNICEF. Bình đẳng giới- Thuật ngữ và khái niệm. Văn phòng UNICEF khu vực Nam Á. 2017 <https://www.unicef.org/rosa/media/1761/file/Gender%20glossary%20of%20terms%20and%20concepts%20.pdf>

“Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới”. Ngoài Hiến pháp, quyền bình đẳng của phụ nữ còn được cụ thể hóa ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành như pháp luật dân sự, kinh tế, lao động việc làm, hôn nhân gia đình... và đặc biệt là trong Luật Bình đẳng giới.

Thúc đẩy bình đẳng giới cần quan tâm và thu hút sự tham gia của cả nam giới cũng như phụ nữ. Trong những năm gần đây, ngày càng có nhiều nghiên cứu về bình đẳng giới với phương pháp tiếp cận tập trung trực tiếp vào nam giới. Theo đó, nam giới cần được xác định là đồng minh của bình đẳng giới, họ cần được khuyến khích, thúc đẩy tham gia tích cực hơn vào các hoạt động vì bình đẳng giới. Không thể đạt được bình đẳng giới khi nam giới không thay đổi thái độ, hành vi của họ trong nhiều lĩnh vực. Tăng cường chú trọng đến vai trò của nam giới sẽ mang lại những tác động tích cực đối với các chiến lược bình đẳng giới tương lai.

## 11. LỒNG GHÉP GIỚI

Lồng ghép giới là một phương pháp tiếp cận hay biện pháp chiến lược thúc đẩy tiến bộ về quyền của phụ nữ và trẻ em gái cũng như bình đẳng với nam giới và trẻ em trai. Đây là phương pháp tiếp cận được hệ thống Liên Hợp Quốc và cộng đồng quốc tế lựa chọn nhằm thực hiện quyền bình đẳng của phụ nữ và trẻ em gái... Bình đẳng giới là mục tiêu. Lồng ghép giới là một quá trình đánh giá những hệ lụy của kế hoạch hành động, kể cả luật pháp, chính sách và chương trình đối với trẻ em gái và trẻ em trai, phụ nữ và nam giới. Đây là chiến lược nhằm làm cho những quan tâm và trải nghiệm của trẻ em gái và phụ nữ, cũng như của trẻ em trai và nam giới là những khía cạnh không thể tách rời của quá trình hoạch định, thực thi, giám sát và đánh giá các chính sách và chương trình, sao cho trẻ em gái và trẻ em trai, phụ nữ và nam giới được hưởng thụ bình đẳng, và sự bất bình đẳng

không còn kéo dài dai dẳng<sup>25</sup>.

Lồng ghép giới nhằm đưa mối quan tâm về bình đẳng giới vào các chính sách, pháp luật, kế hoạch một cách nhất quán để đem lại những thành quả bình đẳng của xã hội cho nam giới và phụ nữ về mọi mặt như tham gia vào quá trình ra quyết định, có được các cơ hội bình đẳng và khả năng tiếp cận các nguồn lực và lợi ích khác.

Lồng ghép giới nhằm đổi mới cách tư duy, mối quan hệ và cách thức làm việc của tất cả mọi người trong xã hội, sao cho những đặc điểm và sự khác biệt trong cuộc sống của nam giới và phụ nữ, của tất cả các nhóm dân cư khác nhau, sao cho các nhu cầu và ưu tiên khác nhau của họ được coi trọng như nhau, được tự giác xem xét ở mọi cấp, mọi ngành ngay từ ban đầu và trong mọi giai đoạn của quá trình hoạch định, phân bổ nguồn lực, thực hiện, giám sát và đánh giá các chính sách, chương trình và dự án.<sup>26</sup>

## 12. LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT<sup>27</sup>

Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới được thực hiện trong toàn bộ quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, từ khâu đề xuất, đánh giá tác động đối với từng nhóm đối tượng khác nhau, lập đề nghị về chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, soạn thảo đến thẩm định văn bản quy phạm pháp luật.

25 UNICEF. Bình đẳng giới- Thuật ngữ và khái niệm. Văn phòng UNICEF khu vực Nam Á. 2017 <https://www.unicef.org/rosa/media/1761/file/Gender%20glossary%20of%20terms%20and%20concepts%20.pdf>

26 Lồng ghép giới trong hoạch định và thực thi chính sách-Giới trong chính sách công: UBQGVSTBPN, Dự án VIE 01-015-01. 2004.

27 Điều 5 Luật Bình đẳng giới.



**Là biện pháp nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng giới bằng cách xác định vấn đề giới, dự báo tác động giới của văn bản, trách nhiệm, nguồn lực để giải quyết vấn đề giới trong các quan hệ xã hội được văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh.**

## 13. LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật là biện pháp nhằm bảo đảm các yếu tố văn hóa, kinh tế - xã hội... gây ảnh hưởng tới quyền, khả năng tiếp cận, thụ hưởng bình đẳng của phụ nữ và nam giới trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật sẽ được cơ quan có thẩm quyền dự báo, xem xét, giải quyết. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được thực hiện trong toàn bộ quy trình hoạt động, từ khâu xác định nội dung, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả hoạt động.

## II. CƠ SỞ PHÁP LÝ LIÊN QUAN TỚI QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG TÀI LIỆU

### 1. VĂN KIẾN QUỐC TẾ

- Công ước Quốc tế về Xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW, Việt Nam tham gia năm 1982).
- Công ước Quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (Việt Nam gia nhập năm 1982).
- Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (Việt Nam gia nhập năm 1982).
- Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự, Chính trị (Việt Nam gia nhập năm 1982).
- Công ước Quốc tế về Quyền của Trẻ em (Việt Nam gia nhập năm 1990).
- Cương lĩnh hành động Bắc Kinh 1995.
- Các Khuyến nghị của Ủy ban CEDAW<sup>28</sup>

28 Khuyến nghị của Ủy ban CEDAW đối với Việt Nam tại kỳ họp thứ 61, từ ngày 6-24/7/2015 khi xem xét và thông qua Báo cáo ghép định kỳ lần thứ 7-8 của Việt Nam tại điểm d điều 9 phần C nêu: “Nâng cao năng lực cho các nhà hoạch định pháp luật và chính sách, các quan chức chính phủ, các cán bộ tư pháp và hành pháp cấp quốc gia và cấp tỉnh nhằm thúc đẩy hiểu biết của họ về khái niệm bình đẳng giới thực tế theo tinh thần của Công ước”; Điều 17 phần C nêu:”

- (a) Áp dụng các biện pháp chiến lược toàn diện nhằm giải quyết các nguyên nhân gốc rễ của vấn đề bất bình đẳng giới và thay đổi các khuôn mẫu giới mang tính phân biệt đối xử mang tính cực đoan sâu sắc và những quan niệm văn hóa mang lại đặc quyền cho nam giới so với phụ nữ nhằm xoá bỏ phân biệt đối xử về giới và những hủ tục.
- (b) Đẩy mạnh các chương trình nâng cao nhận thức nhằm xoá bỏ những khuôn mẫu giới gắn liền với vai trò giới truyền thống trong gia đình và trong xã hội, đối tượng tác động là quan chức các cấp, cán bộ hành pháp và tư pháp, giáo viên, cha mẹ và các nhà lãnh

### 2. CÁC VĂN BẢN CỦA ĐẢNG, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC

- Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Văn kiện Đại hội XII của Đảng<sup>29</sup>.
- Luật Bình đẳng giới.
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật<sup>30</sup>.

đạo cộng đồng, cũng như phụ nữ, nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai, về ảnh hưởng tiêu cực của các hủ tục và các khuôn mẫu mang tính phân biệt đối xử đối với việc thụ hưởng quyền của người phụ nữ, theo Điều 2 (f) và Điều 5 (a) của Công ước;

- (c) Nâng cao nhận thức và hợp tác với các cơ quan truyền thông nhằm nâng cao hiểu biết về khái niệm bình đẳng của phụ nữ và nam giới trong cuộc sống ngoài xã hội và riêng tư và truyền tải những hình ảnh tích cực về người phụ nữ.

29 Văn kiện Đại hội Đảng XII xác định: “*Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển tài năng*”

30 Điều 19 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật quy định về PBGDPL cho nạn nhân bạo lực gia đình, theo đó, việc PBGDPL cho nạn nhân bạo lực gia đình tập trung vào các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình, trách nhiệm của Nhà nước và xã hội trong việc hỗ trợ, bảo vệ nạn nhân bạo lực gia đình. Hoạt động PBGDPL cho nạn nhân bạo lực gia đình được chú trọng thực hiện thông qua hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý lưu động, tư vấn pháp luật miễn phí, PBGDPL trực tiếp tại nơi tạm lánh, cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. Luật giao Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên Mặt trận ở cơ sở có trách nhiệm tổ chức PBGDPL cho các đối tượng là nạn nhân bạo lực gia đình, người có hành vi bạo lực gia đình; huy động các tổ chức, cá nhân hỗ trợ kinh phí thực hiện PBGDPL cho các đối tượng này. Gia đình có trách nhiệm giáo dục thành viên thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới.



- Luật Hòa giải ở cơ sở<sup>31</sup>. Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04/6/2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới.
- Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 quy định các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới.
- Nghị định số 55/2009/NĐ-CP ngày 10/6/2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới.
- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành VBQPPL năm 2015.
- Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.
- Thông tư 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng VBQPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật.
- Thông tư số 17/2014/TT-BTP ngày 13/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

31 Khoản 5 Điều 4 Luật Hòa giải ở cơ sở quy định nguyên tắc hoạt động hòa giải là “Bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở”. Luật cũng quy định về thành phần tổ hòa giải phải có hòa giải viên nữ (Điều 12) để bảo đảm các nữ giới có cơ hội được tham gia các hoạt động xã hội.



## PHẦN THỨ HAI

LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ  
BÌNH ĐẲNG GIỚI  
TRONG XÂY DỰNG  
VĂN BẢN QUY PHẠM  
PHÁP LUẬT

# I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

## 1. MỤC TIÊU LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BẰNG TRONG XÂY DỰNG VBQPPL

là nhằm xây dựng các chính sách pháp luật và VBQPPL bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp phù hợp với đặc thù của mỗi giới, tạo cơ hội, điều kiện, năng lực phát triển bình đẳng cho nam, nữ trong lĩnh vực quan hệ xã hội thuộc phạm vi dự kiến điều chỉnh của VBQPPL.

## 2. YÊU CẦU LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BẰNG TRONG XÂY DỰNG VBQPPL

### 2.1. Lồng ghép vấn đề BẰNG theo quy định của Luật BẰNG

Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định về yêu cầu lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản QPPL, theo đó, khi xây dựng văn bản QPPL cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xác định vấn đề giới và các biện pháp giải quyết trong lĩnh vực mà văn bản QPPL đó điều chỉnh.

Ngay từ bước đầu tiên của quy trình xây dựng chính sách là xác định vấn đề bất cập cần giải quyết, việc "lồng ghép vấn đề BẰNG" bắt đầu khởi động bằng việc xác định có vấn đề giới cần giải quyết không.

Xác định "có vấn đề giới" là một bước quan trọng trong quy trình lồng ghép vấn đề BẰNG trong xây dựng VBQPPL. Việc xác định những bất cập cần giải quyết trong đề nghị xây dựng VBQPPL là cơ sở cho việc thực hiện các bước tiếp theo của quy trình xây dựng chính sách, cụ thể: xác định mục tiêu, nội dung, các giải pháp chính sách để giải quyết những bất cập từ góc độ giới cũng như ĐGTĐ của các giải pháp chính sách cần phải được tiến hành đồng thời trong đề nghị xây dựng VBQPPL.

### 2.2. ĐGTĐCS về giới trong đề nghị xây dựng VBQPPL theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL

Tất cả giải pháp chính sách để giải quyết các vấn đề trong đề nghị xây dựng VBQPPL đều phải được ĐGTĐ về: kinh tế, xã hội, giới (nếu có), thủ tục hành chính (nếu có) và tác động đối với hệ thống pháp luật.



**Tác động về giới của chính sách (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo các tác động kinh tế, xã hội liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới (khoản 3 Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).**



Như vậy, có nghĩa là với mỗi chỉ tiêu tác động về kinh tế (ví dụ chỉ tiêu về chi phí - lợi ích đầu tư) hay mỗi chỉ tiêu tác động về xã hội (chẳng hạn như chỉ tiêu về việc làm, về thu nhập từ việc làm...) của một giải pháp đều cần đánh giá tác động của các chỉ tiêu đó đối với nam và nữ, phân tích các tác động đó có tạo nên sự khác biệt lớn giữa hai giới không (trên các tiêu chí cơ hội, năng lực, điều kiện và thụ hưởng lợi ích từ việc thực thi giải pháp chính sách). Nếu sự khác biệt đó là lớn và có nguy cơ gây nên sự bất BẰNG

mới, sự phân biệt đối xử về giới mới, thì cần cân nhắc rất thận trọng việc lựa chọn giải pháp có tác động tiêu cực về BĐG mặc dù có tác động tích cực, tốt về kinh tế hay xã hội. Nếu vẫn lựa chọn giải pháp đó thì phải đề xuất biện pháp để hạn chế, khắc phục dần tác động tiêu cực về BĐG.

### 3. NỘI DUNG LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 21 Luật Bình đẳng giới quy định lồng ghép vấn đề BĐG trong xây dựng VBQPPL là việc:

- *Xác định vấn đề giới và các biện pháp giải quyết vấn đề giới trong lĩnh vực mà văn bản QPPL điều chỉnh:*
  - Phân tích, đánh giá các quan hệ giới trong lĩnh vực do VBQPPL điều chỉnh;
  - Việc phân tích, đánh giá phải được dựa trên số liệu thực tiễn có tách biệt theo giới;
  - Xác định nguyên nhân gây nên vấn đề giới;
  - Đưa ra chính sách và các biện pháp giải quyết vấn đề giới (sửa đổi, bổ sung hay bãi bỏ VBQPPL đang có hiệu lực hoặc ban hành VBQPPL mới).
- *Dự báo tác động của các biện pháp trong VBQPPL khi được ban hành đối với từng nhóm đối tượng thụ hưởng đối với:*
  - Vị trí của nam, nữ và nhóm đối tượng yếu thế trong đời sống xã hội và gia đình;

- Cơ hội, điều kiện phát huy năng lực của các nhóm đối tượng (của nam, nữ, trẻ em gái, trẻ em trai và đối tượng yếu thế) cho sự phát triển của cộng đồng, gia đình và cá nhân;
- Đến cơ hội thụ hưởng các kết quả đối với nam, nữ.

Việc đánh giá phải dựa trên các thông tin và các dữ liệu cần thiết được thu thập, phân tích, có đánh giá định lượng và định tính; đồng thời đánh giá nhận thức, thái độ của xã hội đối với chính sách và biện pháp giải quyết vấn đề giới;

- *Xác định trách nhiệm và nguồn lực để giải quyết vấn đề giới trong phạm vi VBQPPL điều chỉnh, bao gồm cả trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, của tổ chức, cá nhân trong xã hội với việc bảo đảm các nguồn lực về tài chính, về tổ chức và con người. Cụ thể là:*
  - Trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa VBQPPL thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực phụ trách để xác định vấn đề liên quan đến bình đẳng giới;
  - Trách nhiệm lồng ghép vấn đề BĐG trong xây dựng các VBQPPL được phân công;
  - Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới (i) cử đại diện tham gia Ban soạn thảo, Tổ biên tập hoặc đóng góp ý kiến đối với dự thảo VBQPPL theo yêu cầu của cơ quan chủ trì soạn thảo; (ii) có ý kiến đánh giá bằng văn bản về việc lồng ghép vấn đề BĐG hoặc cử đại diện tham gia Hội đồng thẩm định theo yêu cầu của cơ quan thẩm định VBQPPL.
  - Trách nhiệm của cơ quan thẩm định, thẩm tra.

Việc lồng ghép vấn đề BĐG trong giai đoạn lập đề nghị xây dựng VBQPPL có sản phẩm là kết quả ĐGTĐCS về giới (cùng với kết quả ĐGTĐCS về kinh tế, về xã hội) trong Báo cáo ĐGTĐCS tại Hồ sơ đề nghị xây dựng VBQPPL, cụ thể các kết quả đó là: (i) Giải pháp chính sách được lựa chọn để giải quyết vấn đề giới (nếu có); (ii) Các tác động về giới được phát hiện khi đánh giá tác động về kinh tế, tác động về xã hội của các giải pháp chính sách trong đề xuất xây dựng VBQPPL; (iii) Biện pháp khắc phục tác động không mong đợi về giới (nếu có) của giải pháp được lựa chọn.

Tiếp thu kết quả này, trong giai đoạn soạn thảo VBQPPL, cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc lồng ghép vấn đề BĐG bằng việc chuyển hoá chính xác các nội dung chính sách và giải pháp chính sách thành các QPPL, các điều khoản trong dự thảo nhằm giải quyết vấn đề giới và khắc phục các tác động không mong đợi từ góc độ giới của các giải pháp chính sách được lựa chọn.

## 4. QUY TRÌNH XÂY DỰNG VBQPPL

**4.1. Quy trình xây dựng VBQPPL theo 02 giai đoạn** (i) lập đề nghị xây dựng VBQPPL và (ii) soạn thảo VBQPPL. Quy trình này áp dụng với các hình thức văn bản: luật, pháp lệnh; nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội<sup>32</sup>; nghị định của Chính phủ<sup>33</sup>; nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh<sup>34</sup>.

32 Nghị quyết của Quốc hội quy định tại các điểm b và c khoản 2 Điều 15 của Luật; Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Luật Ban hành VBQPPL.

33 Theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành VBQPPL thì việc đề nghị xây dựng nghị định chỉ áp dụng với các nghị định quy định tại khoản 3 Điều 19.

34 Theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành VBQPPL thì việc đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND cấp tỉnh chỉ áp dụng đối với nghị quyết có các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 27.



Trong quy trình đó, việc xây dựng nội dung chính sách, các giải pháp thực hiện chính sách và ĐGTĐCS được thực hiện ngay từ giai đoạn lập đề nghị xây dựng VBQPPL; chỉ sau khi chính sách đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì mới bắt đầu giai đoạn soạn thảo VBQPPL với nhiệm vụ là “quy phạm hoá” đúng đắn và đầy đủ chính sách cùng các giải pháp thực hiện chính sách đã được phê duyệt. Giai đoạn lập đề nghị xây dựng VBQPPL là một quy trình gồm 06 bước:

- (1) Xây dựng nội dung chính sách;
- (2) Đánh giá tác động chính sách;
- (3) Lập hồ sơ đề nghị xây dựng VBQPPL;
- (4) Lấy ý kiến về đề nghị xây dựng VBQPPL;
- (5) Thẩm định đề nghị xây dựng VBQPPL;
- (6) Xem xét, thông qua đề nghị xây dựng VBQPPL (phê duyệt nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL).

#### **4.2. Quy trình xây dựng VBQPPL với 01 giai đoạn (soạn thảo VBQPPL)**

Quy trình này áp dụng với các hình thức VBQPPL: lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; nghị định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành VBQPPL; quyết định của Thủ tướng Chính phủ, các VBQPPL thuộc thẩm quyền của Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC; thông tư của Bộ trưởng; *nghị quyết của HĐND cấp tỉnh quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 27 Luật*; quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; nghị

quyết của HĐND và quyết định của UBND cấp huyện, cấp xã, các hình thức VBQPPL liên tịch. Đối với các văn bản này, việc xác định vấn đề cần giải quyết, xây dựng nội dung và giải pháp chính sách cũng như việc đánh giá tác động chính sách của VBQPPL được thực hiện tại bước soạn thảo (sau khi đã tổng kết thực tiễn, khảo sát các quan hệ xã hội liên quan...).



Lưu ý

*Theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành VBQPPL thì đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19, khoản 2, khoản 3 Điều 27 của Luật, mặc dù không phải thực hiện việc lập đề nghị xây dựng VBQPPL nhưng trong quá trình soạn thảo vẫn phải thực hiện việc đánh giá tác động của chính sách.*

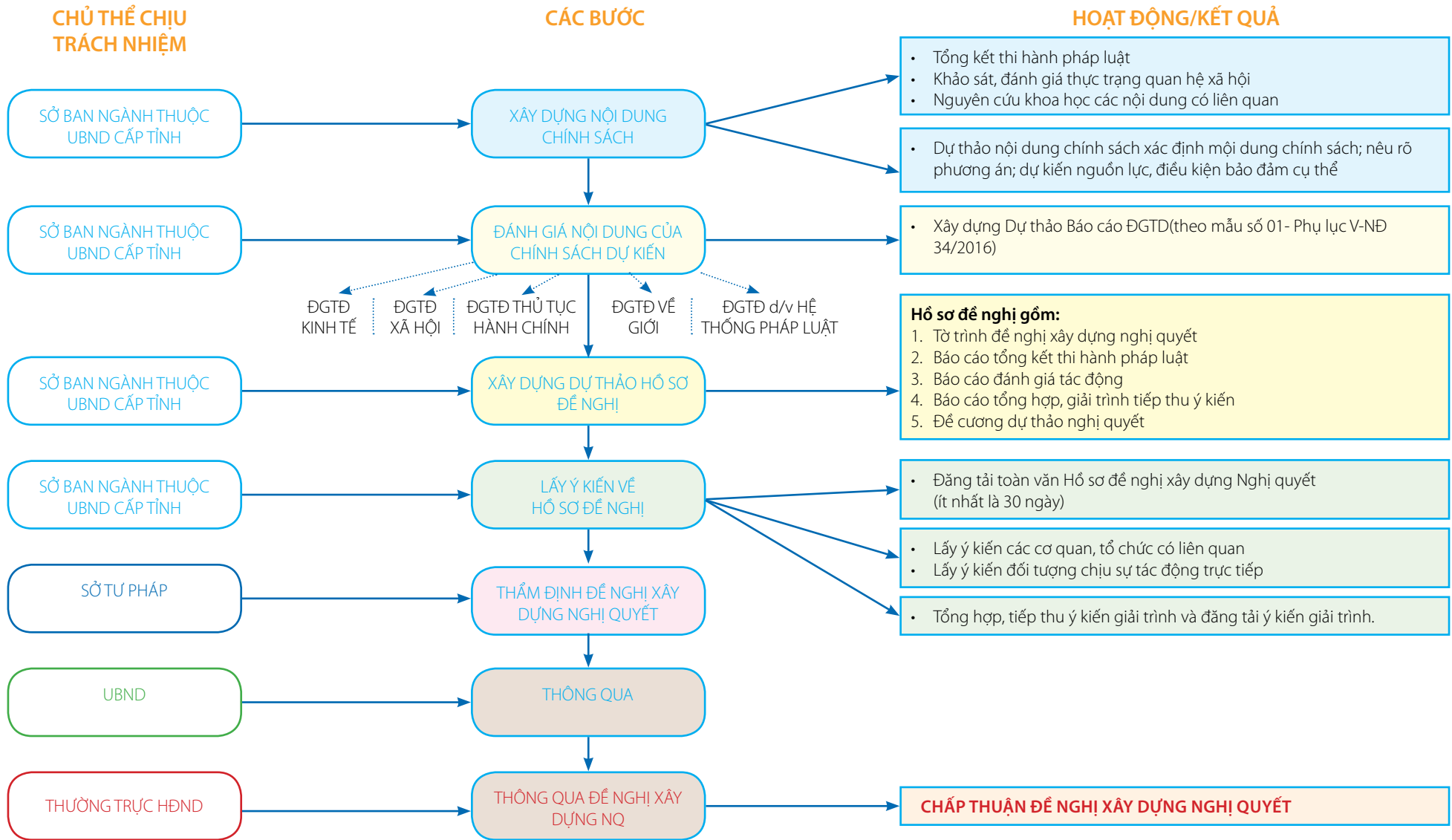
## II. LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG XÂY DỰNG VĂN BẢN QPPL CỦA ĐỊA PHƯƠNG

### 1. LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL, nghị quyết quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thì phải thực hiện việc lập đề nghị xây dựng văn bản (thực hiện đánh giá tác động của chính sách); chủ thể có thẩm quyền đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gồm (i) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (ii) các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; (iii) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc tỉnh. Với mỗi chủ thể việc lập đề nghị được thực hiện theo quy trình như sau:

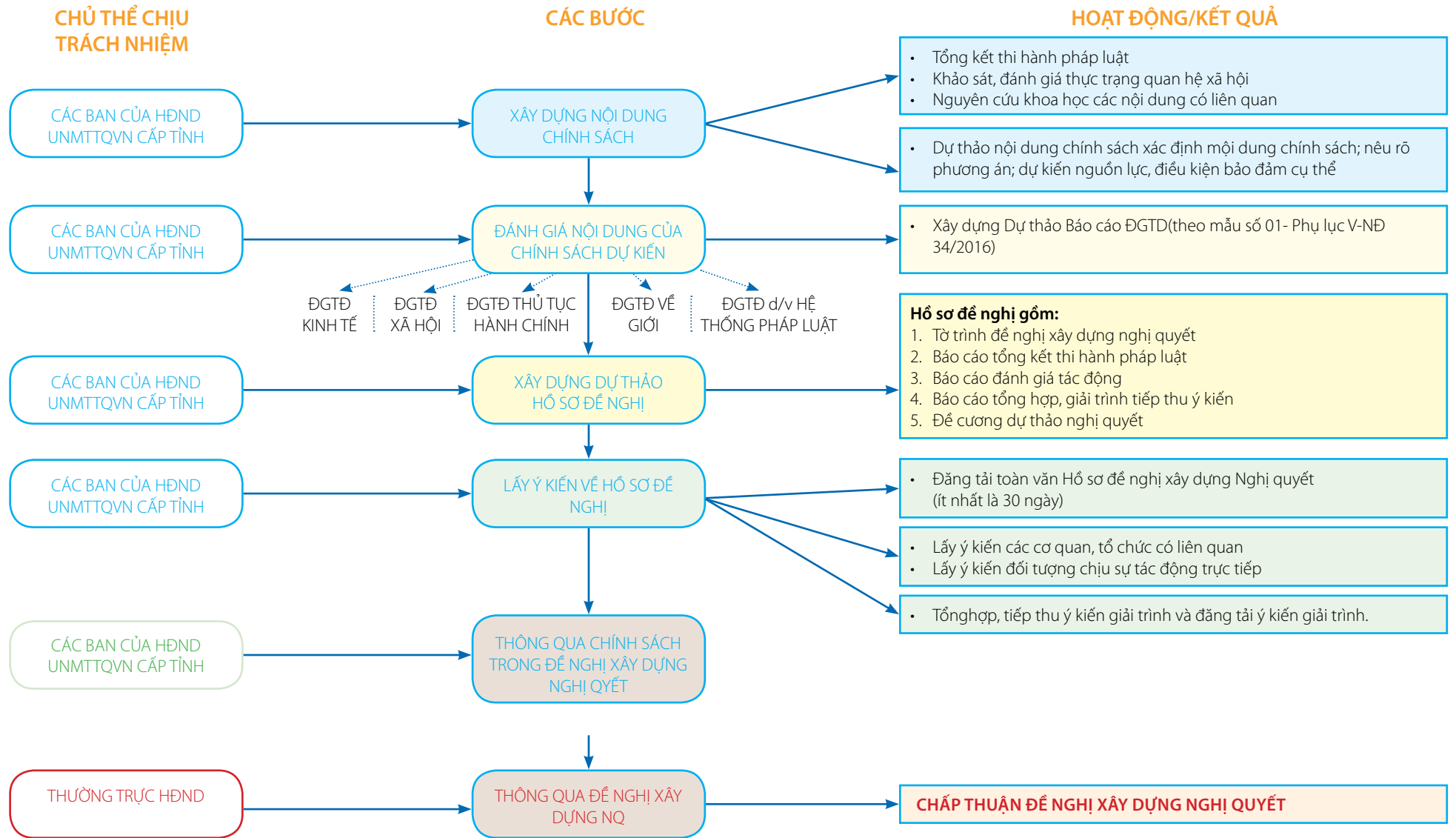


## Quy trình lập đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND cấp tỉnh do UBND trình





## Quy trình lập đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND cấp tỉnh do các ban ngành HĐND/UBMTTQVN cấp tỉnh trình





Khi thực hiện ĐGTD về giới của chính sách trong lập đề nghị nghị quyết của HĐND, ngay từ đầu cần phải trả lời các câu hỏi:

- Có tồn tại hay làm nảy sinh sự bất bình đẳng nào giữa nam và nữ về: (i) mục tiêu bình đẳng giới; (ii) cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện các quyền, lợi ích của của mỗi giới hay các nhóm đối tượng thụ hưởng chính sách? (iii) Mức độ thụ hưởng từ quá trình ra quyết định ban hành và thực hiện chính sách đó đối với mỗi giới, từng nhóm đối tượng? (iv) các bằng chứng về các vấn đề trên là gì? được đo lường, đánh giá thông qua các chỉ tiêu về kinh tế, về xã hội cũng như các khía cạnh khác của chính sách đối với mỗi giới, như thế nào?
- Giải pháp tốt hơn để bảo đảm bình đẳng giới (đối chiếu, lựa chọn)? Cần đề xuất hành động can thiệp nào, để khắc phục tình trạng bất bình đẳng giới đó?

Các bước lồng ghép vấn đề BĐG được thực hiện như sau:

### 1.1. Lồng ghép vấn đề BĐG trong xây dựng nội dung chính sách

Nội dung	Làm gì	Làm như thế nào	Nguồn thông tin
1. <i>Xác định vấn đề bất cập cần giải quyết.</i>	Xác định có vấn đề giới cần giải quyết trong lĩnh vực, quan hệ pháp luật cần điều chỉnh không?	Thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin, dữ liệu về tình hình thi hành chính sách, pháp luật hiện hành, đặc biệt là từ Báo cáo tổng kết thực tiễn thi hành chính sách, pháp luật liên quan để nhận diện, xác định các vấn đề nguyên nhân của bất cập, vấn đề nhìn từ góc độ giới và đưa ra phương án giải quyết.	Thông tin thống kê (có tách biệt theo giới); số liệu, thông tin qua xử lý tại các báo cáo tổng kết thi hành chính sách, pháp luật liên quan kết hợp với thông tin xử lý từ việc tham vấn, lấy ý kiến các đối tượng liên quan, các chuyên gia.
2. <i>Xác định mục tiêu chính sách nhằm giải quyết vấn đề bất cập.</i>	Xác định mục tiêu giải quyết vấn đề bất cập, mục tiêu giải quyết vấn đề giới.	- Đề xuất các giải pháp thực hiện để giải quyết mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể cần đạt được từ góc độ giới.	Từ nghiên cứu phân tích, so sánh các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, chỉ tiêu BĐG trong các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển của quốc gia và các mục tiêu, chỉ số phát triển giới, các khuyến nghị của Ủy ban CEDAW của LHQ đối với Báo cáo định kỳ của Chính phủ Việt Nam về thực hiện CEDAW và các ĐUQT liên quan bình đẳng giới. - Về phản ứng xã hội, đặc biệt là ý kiến của chính các đối tượng liên quan (mong muốn, nguyện vọng, năng lực, điều kiện thực tế...) để xác định mục tiêu giải quyết vấn đề cho trúng, đảm bảo tính khả thi.
3. <i>Dự kiến giải pháp chính sách nhằm giải quyết vấn đề bất cập.</i>	Đề xuất các giải pháp chính sách để giải quyết vấn đề bất cập, giải quyết vấn đề giới theo mục tiêu đã xác định.	Xác định có cần giải pháp can thiệp không? Giải pháp đó là gì?	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông tin thu thập tại mục 1, mục 2.</li> <li>• Từ các báo cáo về tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực đề xuất; từ hoạt động rà soát, hệ thống hóa các chính sách và quy định pháp luật hiện hành liên quan vấn đề giới/khía cạnh giới; <ul style="list-style-type: none"> <li>◦ Tham khảo kinh nghiệm nước ngoài về giải pháp cho vấn đề giới tương tự; các khuyến nghị cụ thể về các giải pháp pháp luật và giải pháp thực hiện pháp luật của Ủy ban CEDAW đối với vấn đề giới tương tự.</li> <li>◦ Từ hoạt động, điều tra, khảo sát, lấy ý kiến chuyên gia...</li> </ul> </li> </ul>

Để thực hiện đề nghị xây dựng văn bản QPPL đề nghị áp dụng các câu hỏi kiểm tra sau:

#### 1.1.1. Lồng ghép vấn đề BĐG trong xác định vấn đề bất cập cần giải quyết

**Câu hỏi gợi ý 1:** Có sự bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử giới hay khoảng cách giữa nam và nữ về cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích trong lĩnh vực/quan hệ pháp luật cần xem xét không?

**Câu hỏi gợi ý 2:** Nếu có thì đó là bất bình đẳng pháp lý hay bất bình đẳng thực tế? Phạm vi, mức độ tác động của vấn đề giới đối với các đối tượng liên quan? Nguyên nhân của vấn đề giới là gì?

Các nguyên nhân có thể là: (i) do pháp luật, (thiếu quy định chung cho cả hai giới; chưa đảm bảo các nguyên tắc BĐG, bao gồm cả thiếu quy định biện pháp thúc đẩy BĐG, biện pháp bảo vệ bà mẹ, trẻ em; (ii) do thi hành pháp luật từ phía cơ quan nhà nước (tổ chức thi hành không nghiêm, thiếu nguồn lực tổ chức, con người, tài chính...); từ phía cá nhân, tổ chức (do thiếu hiểu biết, ý thức tuân thủ pháp luật...); (iii) do tác động của điều kiện sống; (iv) do tác động của các tập quán truyền thống, định kiến giới; (v) do các yếu tố kinh tế - xã hội, mới phát sinh... Một vấn đề có thể do một hoặc nhiều nguyên nhân gây ra trong đó cần xác định đúng, trúng nguyên nhân chính, chủ yếu.

**Câu hỏi gợi ý 3:** Trong vấn đề bất cập cần giải quyết có khía cạnh giới cần xem xét không?

Trong nhiều lĩnh vực, việc xác định vấn đề giới thường không dễ, nhất là những vấn đề về quản lý chuyên ngành kinh tế - kỹ thuật. Vì vậy, dù không xác định được vấn đề giới độc lập thì câu hỏi về khía cạnh giới của vấn đề bất cập cần giải quyết vẫn phải đặt ra để xem xét khi đánh giá tác động của các giải pháp chính sách nhằm giải quyết vấn đề đối với nam và nữ.

#### 1.1.2. Lồng ghép vấn đề BĐG trong xác định mục tiêu chính sách nhằm giải quyết vấn đề bất cập

**Câu hỏi gợi ý 4:** Mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể cần đạt được để giải quyết vấn đề bất cập là gì?

- Mục tiêu tổng thể cần đạt được là bình đẳng về pháp lý (tối thiểu) hay bình đẳng trên thực tế (tối đa) hay từng bước tiến tới bình đẳng về pháp lý và thực tiễn về cơ hội, điều kiện, năng lực và thụ hưởng quyền của nam, nữ.
- Mục tiêu cụ thể cần đạt được theo giai đoạn, lộ trình thực hiện chính sách để giải quyết vấn đề là gì? Mục tiêu cần ưu tiên là gì để đảm bảo tính khả thi, phù hợp nhu cầu và năng lực của đối tượng mà chính sách điều chỉnh.

#### 1.1.3. Lồng ghép vấn đề BĐG trong dự kiến giải pháp chính sách nhằm giải quyết vấn đề bất cập

**Câu hỏi gợi ý 5:** Nhà nước có cần can thiệp bằng chính sách để giải quyết vấn đề bất cập, vấn đề giới không? Các giải pháp can thiệp dự kiến là gì?

Câu trả lời phụ thuộc vào việc xác định đúng nguyên nhân chính của vấn đề bất cập, vấn đề giới theo phương châm “bệnh nào thuốc đấy”.

- Nếu nguyên nhân chính là do tổ chức thi hành không tốt thì giải pháp hợp lý là không ban hành chính sách, VBQPPL mới mà chỉ tập trung đổi mới, nâng cao hiệu quả THPL.
- Nếu nguyên nhân chính là do sự không phù hợp hoặc thiếu hụt chính sách, pháp luật thì giải pháp ban hành, sửa đổi chính sách pháp luật là cần thiết.
- Nếu do nhiều nguyên nhân gây ra như: chưa có chính sách, do tổ chức thi hành pháp luật, do định kiến giới, ảnh hưởng của phong tục, tập quán...

thì bên cạnh giải pháp ban hành, sửa đổi chính sách cần dự kiến cả các giải pháp về tổ chức tổ chức thi hành pháp luật, giáo dục, vận động thay đổi nhận thức về BĐG...

Ngoài ra, giải pháp không can thiệp, giữ nguyên hiện trạng luôn là giải pháp được đặt ra để so sánh với các tác động do các giải pháp có sự can thiệp của Nhà nước tạo nên.

*Ví dụ: Dự kiến giải pháp giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới thực tế về tỷ lệ nam, nữ ĐBQH và đại biểu HĐND:* Vì đây là bất bình đẳng thực tế kéo dài mà nguyên nhân chính là nhận thức xã hội, định kiến giới dai dẳng đối với việc phụ nữ tham gia đời sống chính trị, nhất là để trở thành đại biểu của nhân dân tại các cơ quan quyền lực nhà nước, do đó, cần có giải pháp đặc biệt, mang tính đột phá (mà theo quy định của CEDAW là biện pháp đặc biệt, tạm thời) nhằm thu hẹp khoảng cách giới - khoảng cách giữa số lượng đại biểu nam và đại biểu nữ tại Quốc hội và HĐND các cấp. Giải pháp đặc biệt đó là đưa vào Luật Bầu cử ĐBQH và Đại biểu HĐND năm 2015 quy định phải đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 35% nữ ứng cử viên tại các đơn vị bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp. Theo Luật Bình đẳng giới, đó là một biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

**Câu hỏi gợi ý 6:** Những tác động không mong muốn, rào cản nào có thể xảy ra khi thực hiện giải pháp can thiệp bằng chính sách, VBQPPL?

Việc dự liệu các tác động không mong muốn về pháp lý (như giải pháp chính sách mới sẽ xung đột với pháp luật hiện hành...), về thực thi (thiếu các điều kiện bảo đảm), về nhận thức, về xung đột lợi ích giữa các đối tượng chịu tác động... là cần thiết để chủ động phòng ngừa và ứng phó tốt nhất với các tác động tiêu cực có thể xảy ra và từ đó sẽ giúp chúng ta có phương án để giảm thiểu tác động tiêu cực đó. Ví dụ: quy định đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 35% nữ ứng cử viên tại các đơn vị bầu cử thì rủi ro về thực thi có thể là không đạt mục tiêu tăng tỷ lệ nữ ứng cử viên và nữ ĐBQH

trúng cử do yếu tố nhận thức, định kiến giới, thậm chí xung đột lợi ích giữa các ứng cử viên nam, nữ. Vì vậy, cần dự kiến các nguồn lực và giải pháp hỗ trợ nữ ứng cử viên trong suốt quá trình bầu cử và sau khi bầu cử kể cả trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của đại biểu HĐND, như ngoài giải pháp đưa ra tỷ lệ bắt buộc như trên, cần thực hiện các giải pháp bổ sung khác như bồi dưỡng năng lực, kỹ năng đại biểu cho ứng cử viên nữ trong quá trình vận động bầu cử; tạo điều kiện thuận lợi để nữ ứng cử viên tiếp xúc cử tri, nắm bắt thực tiễn địa phương nơi ứng cử... Đồng thời, tạo điều kiện để các nữ đại biểu Quốc hội và nữ đại biểu HĐND được tập huấn các chuyên đề chuyên sâu về kiến thức kinh tế - xã hội, pháp luật và kỹ năng đại biểu trong suốt nhiệm kỳ.

**Câu hỏi gợi ý 7:** Cơ quan nào có thẩm quyền ban hành chính sách và hình thức VBQPPL được ban hành?

Thẩm quyền ban hành chính sách và hình thức ban hành chính sách được quy định tại Chương II Luật Ban hành VBQPPL năm 2015, cụ thể: Điều 15 - thẩm quyền và nội dung ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội; Điều 16 - thẩm quyền ban hành pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 19 - thẩm quyền và nội dung ban hành nghị định của Chính phủ; Điều 20 - Thẩm quyền và nội dung ban hành quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Điều 27 - Thẩm quyền và nội dung ban hành nghị quyết của HĐND cấp tỉnh; Điều 28 - Thẩm quyền và nội dung ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.



Lưu ý

**Nếu giải pháp là ban hành biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới thì cơ quan có thẩm quyền ban hành chỉ có thể là Quốc hội, UBNDTVQH và Chính phủ với các hình thức văn bản QPPL tương ứng thuộc thẩm quyền của từng cơ quan.**

## 1.2. Lồng ghép vấn đề BĐG trong đánh giá tác động của chính sách

Nội dung	Làm gì	Làm như thế nào
1. Lập kế hoạch ĐGTĐCS, ĐGTĐ về giới.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xác định đối tượng chịu tác động, đối tượng ảnh hưởng;</li> <li>Xác định loại tác động chính và phương pháp đánh giá tác động chủ yếu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sắp xếp phân loại các đối tượng chịu tác động của chính sách theo nhóm, theo vùng miền và đặc điểm giới tính, dân tộc, tôn giáo (nếu có) là cần thiết để thực hiện tiết kiệm, hiệu quả việc ĐGTĐ của các giải pháp chính sách khác nhau trên cùng nhóm đối tượng, nhất là đối với phương pháp khảo sát, tham vấn.</li> </ul>
2. ĐGTĐ của các giải pháp, trong trong đó có ĐGTĐ giới.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổng hợp các chỉ tiêu kinh tế, xã hội, giới cần ĐGTĐ;</li> <li>Xác định các thông tin cần thu thập, nguồn thông tin và thực hiện việc thu thập thông tin;</li> <li>Đánh giá tác động theo các chỉ tiêu đã xác định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xác định các thông tin nào cần thu thập và các nguồn thông tin nào có thể thu thập phục vụ việc đánh giá tác động của các chỉ tiêu đã xác định.</li> </ul>
3. Tổng hợp, so sánh ĐGTĐCS về giới của các giải pháp chính sách.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổng hợp kết quả ĐGTĐ của các giải pháp;</li> <li>Đề xuất lựa chọn giải pháp tối ưu và các kiến nghị biện pháp bảo đảm thi hành;</li> <li>Xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS (trong đó có ĐGTĐ về giới, ĐGTĐ giới trong tác động XH, KT).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lập Bảng Tổng hợp kết quả chính của phân tích tác động chính sách (để nghị xem Phụ lục về tình huống minh họa).</li> </ul>
4. Lồng ghép vấn đề BĐG trong xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS, trong đó có nội dung ĐGTĐ giới.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS theo Mẫu số 01, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, không có Báo cáo LGVĐBĐG riêng.</li> </ul>	<p>Phần trình bày về mỗi chính sách đều theo kết cấu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Xác định vấn đề bất cập;</li> <li>Mục tiêu giải quyết vấn đề;</li> <li>Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề;</li> <li>Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan. Hệ quả của những tác động này đối với từng nhóm đối tượng chính sách nhìn từ góc độ giới;</li> <li>Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).</li> </ul>

Để thực hiện việc lồng ghép vấn đề BĐG trong ĐGTĐCS, đề nghị áp dụng các câu hỏi kiểm tra sau:

### 1.2.1. Lồng ghép vấn đề BĐG trong lập kế hoạch ĐGTĐCS, ĐGTĐ về giới

**Câu hỏi gợi ý 8:** Xác định đối tượng chịu tác động của chính sách.

*Những đối tượng nào chịu tác động trực tiếp của chính sách? Có phải là đối tượng gây ra vấn đề giới và chịu tác động bất lợi của vấn đề giới không? Có các yếu tố vùng, miền, dân tộc trong các nhóm đối tượng nam, nữ chịu tác động không?*

*Những đối tượng nào chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách (cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp chính, những tổ chức có nghĩa vụ, quyền lợi liên quan việc thi hành, tuân thủ chính sách, VBQPPL)?*

Sắp xếp phân loại các đối tượng chịu tác động của chính sách theo nhóm, theo vùng miền và đặc điểm giới tính, dân tộc, tôn giáo (nếu có) là cần thiết để thực hiện tiết kiệm, hiệu quả việc ĐGTĐ của các giải pháp chính sách khác nhau trên cùng nhóm đối tượng, nhất là đối với phương pháp khảo sát, tham vấn.

**Câu hỏi gợi ý 9:** Xác định các loại tác động và chỉ tiêu tác động chính.

- Tác động nào là tác động chủ yếu (kinh tế, xã hội, giới, TTHC, pháp luật)?
- Trong mỗi loại tác động thì các chỉ tiêu tác động nào chính<sup>35</sup>?

<sup>35</sup> Theo quy định tại Điều 6 Nghị định 34/2016/NĐ-CP thì với mỗi loại tác động (kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính, HTPL) được xem xét trên nhiều chỉ tiêu tác động khác nhau.

- Tác động về giới và các chỉ tiêu tác động về giới của chính sách: Về bản chất, tác động về giới được xem xét dưới góc độ tác động về kinh tế, tác động về xã hội hoặc cả tác động về kinh tế và xã hội đến việc bảo đảm bình đẳng giữa các giới (nam, nữ) trên 04 chỉ tiêu:
  - i) Cơ hội tiếp cận chính sách; cơ hội này phải xem xét từ quy định của pháp luật và khả năng thực hiện trên thực tế;
  - ii) Điều kiện thực hiện chính sách;
  - iii) Năng lực thực hiện chính sách;
  - iv) Thụ hưởng quyền, lợi ích từ việc thực hiện chính sách.

Một câu hỏi thực tế đặt ra: *Liệu có phải chỉ có tác động kinh tế và xã hội của chính sách mới ảnh hưởng đến tình trạng bình đẳng giữa nam và nữ khi thực hiện chính sách không? Liệu tác động của TTHC<sup>36</sup> và tác động đối với HTPL<sup>37</sup> của chính sách có thể gây tác động khác biệt đối với cá nhân nam và nữ trong quá trình chính sách được thi hành không? Câu trả lời là CÓ THỂ. Ví dụ: một chỉ tiêu có thể gây tác động khác biệt đối với nam và nữ là Chi phí tuân thủ TTHC và Chi phí tuân thủ pháp luật. Lý do là năng lực, điều kiện tiếp cận và thi hành pháp luật của nam và nữ trên thực tế không như nhau, những rào cản mang tính định kiến giới cũng góp phần tạo ra*

<sup>36</sup> Điều 6, khoản 4 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: "*Tác động của thủ tục hành chính (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo về sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý và chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính để thực hiện chính sách*"

<sup>37</sup> Điều 6, khoản 5 NĐ34/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung theo NĐ154/2020/NĐ-CP: "*Tác động đối với hệ thống pháp luật được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo tác động đối với tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*"



Chỉ tiêu tác động	Thông tin định tính	Thông tin định lượng	Nguồn thu thập thông tin
Về kinh tế: Chỉ tiêu 1 Chỉ tiêu 2		+ +	Lưu ý: Số liệu, thông tin tách biệt theo giới.
Về xã hội/giới Chỉ tiêu 1 Chỉ tiêu 2	+	+	Lưu ý: Số liệu, thông tin tách biệt theo giới.
Về TTHC Chỉ tiêu 1 Chỉ tiêu 2 .....	+	+	Lưu ý: Số liệu, thông tin tách biệt theo giới.

#### Ví dụ:

Chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nhân tài để thu hút nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH của tỉnh đến năm 2030 đối với các ngành, nghề, lĩnh vực mà nguồn nhân lực tại chỗ chưa đáp ứng được, với các giải pháp (chế độ) thu hút đặc thù, tương xứng nhưng phải phù hợp với điều kiện ngân sách của địa phương.



*Về thu thập thông tin dữ liệu để đánh giá tác động của xã hội và tác động giới*

Chỉ tiêu đánh giá	Thông tin cần thu thập	Dữ liệu/ Thông tin	Phương pháp/ Nguồn thu thập
Năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ CCVC địa phương theo ngành/lĩnh vực, theo địa bàn công tác chia theo tuổi, và nam nữ;</li> <li>Mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ công chức.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Số lượng cán bộ CCVC của địa phương phân theo ngành, lĩnh vực; phân theo địa bàn công tác; phân theo nam, nữ;</li> <li>Cơ cấu của đội ngũ CCVC theo trình độ chuyên môn nghiệp vụ phân theo ngành lĩnh vực, địa bàn công tác và theo nam và nữ;</li> <li>Đề án vị trí việc làm của các đơn vị;</li> <li>Kết quả công tác của CCVC.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Số liệu thống kê từ Sở nội vụ, sở tài chính và các sở ngành chức năng quản lý lĩnh vực thu hút;</li> <li>Báo cáo CCVC hàng năm của các đơn vị sử dụng lao động;</li> <li>Phỏng vấn sâu cán bộ quản lý các đơn vị sử dụng cán bộ thu hút.</li> </ul>
Chất lượng dịch vụ công	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hoạt động cung ứng dịch vụ công.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thời gian thực hiện dịch vụ công;</li> <li>Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ công được cung cấp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thu thập số liệu định tính thông qua phỏng vấn và thảo luận nhóm.</li> </ul>
Cơ hội việc làm	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hiện trạng số vị trí/ việc làm cần trình độ cao;</li> <li>Hiện trạng số lượng và tỷ lệ đáp ứng tại chỗ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Số vị trí/việc làm trong từng lĩnh vực ngành nghề, địa bàn cần thu hút người có trình độ cao; phân theo nam/nữ, vùng/miền, độ tuổi;</li> <li>Số người có trình độ đáp ứng yêu cầu hiện có tại địa phương (trong và ngoài độ tuổi lao động theo quy định hiện hành);</li> <li>Các yêu cầu chung về tuyển dụng người có trình độ cao trong từng nhóm ngành nghề, địa bàn, lý do.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Niên giám thống kê tỉnh, Báo cáo hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước;</li> <li>Phỏng vấn, thảo luận nhóm.</li> </ul>
Nhà ở	<ul style="list-style-type: none"> <li>Diện tích nhà ở dành cho từng nhóm đối tượng thu hút.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quy nhà ở, đất dành cho CCVC tại địa phương;</li> <li>Định mức diện tích nhà/người;</li> <li>Tổng số diện tích/tiền hỗ trợ nơi ở cho từng nhóm người được thu hút, theo nhóm nam/nữ, địa bàn, lĩnh vực.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Số liệu thống kê của Sở Tài nguyên, môi trường;</li> <li>Khảo sát thực tế bằng phương pháp phỏng vấn.</li> </ul>
Gắn kết gia đình và cộng đồng. Chỉ tiêu: Khả năng liên lạc, hỗ trợ nhau giữa các thành viên gia đình (giữa người được thu hút với các thành viên mà họ phải trực tiếp chăm sóc)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hiện trạng sống chung các thế hệ trong gia đình, sự hỗ trợ của ông/bà, bố/mẹ đối với gia đình cháu, con trong đời sống vật chất và sinh hoạt hàng ngày;</li> <li>Khả năng thay đổi do tác động của chính sách thu hút.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Số lượng các gia đình sống chung các thế hệ phân theo địa bàn;</li> <li>Lý do, điều kiện và nhu cầu sống chung, gặp gỡ và hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thu thập số liệu của cơ quan CA quản lý nhân khẩu;</li> <li>Thu thập số liệu định tính thông qua điều tra khảo sát địa bàn, phỏng vấn sâu.</li> </ul>
Cơ hội được thu hút bình đẳng cho người lao động là nam hay nữ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chính sách thu hút.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các quy định về tuổi, số năm công tác đối với người được thu hút.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rà soát chính sách thu hút nhân tài của địa phương.</li> </ul>

**Câu hỏi gợi ý 11:** Các chỉ tiêu tác động về kinh tế và xã hội có tác động như thế nào lên mỗi giới (nam và nữ)?

Sau khi thu thập thông tin, lập Bảng thông tin cần thu thập theo tiêu chí tác động và nhập các dữ liệu đã thu thập, cả định lượng và định tính.

Tổng hợp kết quả đánh giá tác động xã hội theo nhóm đối tượng nam/nữ.

Sau khi đánh giá tác động theo nhóm thu nhập, liên quan đến lĩnh vực và chỉ tiêu “gắn kết gia đình” (tức điều kiện để thành viên gia đình gặp gỡ, sinh hoạt chung và hỗ trợ lẫn nhau, đặc biệt ông/bà với cháu, bố/mẹ với con), từ phương pháp phân tích định lượng và định tính theo nghiên cứu khoa học và khảo sát xã hội học (một cách giả định), ta có kết quả đánh giá tác động theo nhóm nam/nữ như sau:

**Ví dụ:**

*Tác động xã hội đối với chính sách tăng tuổi nghỉ hưu đối với nam và nữ*

Nhóm nam giới	
Tác động tích cực	Tác động tiêu cực
60% người thu nhập cao hoặc lao động trí óc) cho là có tác động tích cực bởi họ vẫn muốn tiếp tục làm việc, cống hiến cho nghề nghiệp và duy trì gắn kết xã hội, tạo ảnh hưởng xã hội tốt cho con, cháu.	40% nam giới (trong đó 80% của nhóm thu nhập trung bình và thấp hoặc lao động chân tay) cho rằng tác động tiêu cực bởi họ mong muốn lao động tiếp nhưng với ngành nghề, công việc khác có thu nhập cao hơn để hỗ trợ con, cháu hoặc tự phát triển kinh tế gia đình.
Nhóm nữ giới	
Tác động tích cực	Tác động tiêu cực
30% nữ giới (trong đó 80% của nhóm có thu nhập cao hoặc lao động trí óc) cho rằng tác động tích cực bởi họ vẫn muốn tiếp tục làm việc, cống hiến cho nghề nghiệp và duy trì gắn kết xã hội để tạo ảnh hưởng xã hội tốt cho gia đình hoặc có thêm thu nhập để cho mình và hỗ trợ con, cháu.	70% nữ giới (trong đó 80% của nhóm thu nhập trung bình và thấp hoặc lao động chân tay) cho rằng tác động tiêu cực bởi họ muốn được nghỉ ngơi do sức khỏe yếu; họ mong muốn lao động tiếp nhưng với ngành nghề, công việc khác có thu nhập cao hơn, tự phát triển kinh tế gia đình hoặc có thời gian rảnh sớm để chăm sóc con, cháu.

Đánh giá chất lượng giải pháp từ góc độ tác động xã hội về giới (xếp hạng tốt, trung bình, kém): chính sách tăng tuổi nghỉ hưu được đánh giá là tác động tích cực đối với nam giới nhưng lại tiêu cực đối với nữ giới. Như vậy, đây là một giải pháp kém nếu nhìn từ góc độ giới, vì vậy, việc tăng tuổi nghỉ hưu có thể quy định chung đối với nam giới nhưng đối với nữ giới cần áp dụng linh hoạt, quy định theo hướng trao quyền lựa chọn cho nữ giới tùy thuộc đặc điểm công việc và nhu cầu của mỗi cá nhân.

#### Về vị trí của tác động giới trong quá trình lựa chọn giải pháp thực hiện chính sách

Kết quả đánh giá tác động về giới trên cơ sở phân tích tác động về kinh tế và xã hội đối với mỗi giới là một trong các yếu tố để cân nhắc lựa chọn giải pháp: nếu các giải pháp có cùng xếp hạng về kinh tế, xã hội thì giải pháp nào có tác động về giới tích cực hơn (xếp hạng cao hơn) sẽ được lựa chọn; nếu giải pháp xếp hạng cao về kinh tế, xã hội nhưng lại có tác động tiêu cực về giới thì cần cân nhắc; trường hợp lựa chọn thì phải có giải pháp bổ sung để khắc phục, hạn chế các tác động tiêu cực này. Trường hợp, sự khác biệt đó là lớn, có nguy cơ tạo ra sự bất BĐG mới, sự phân biệt đối xử về giới thì cần cân nhắc rất thận trọng việc lựa chọn giải pháp có tác động tiêu cực về BĐG mặc dù có thể có tác động tích cực, tốt về kinh tế hay xã hội.

#### **1.2.3. Tổng hợp, so sánh ĐGTĐCS về giới của các giải pháp chính sách**

Ví dụ: Chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nhân để thu hút nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH của tỉnh đến năm 2030 đối với các ngành, nghề, lĩnh vực mà nguồn nhân lực tại chỗ chưa đáp ứng được, với các giải pháp (chế độ) thu hút đặc thù, tương xứng nhưng phải phù hợp với điều kiện ngân sách của địa phương.

Giải pháp 1: Giữ nguyên chính sách hiện hành.

Giải pháp 2: Có chính sách hỗ trợ: trợ cấp 1 lần (mức chi khác nhau theo các đối tượng thu hút) và hỗ trợ hàng tháng theo lương của đối tượng được thu hút.

Giải pháp 3: Có chính sách hỗ trợ: trợ cấp 1 lần; trợ cấp lương hàng tháng (giống phương án 2); hỗ trợ tiền thuê nhà ở cho đối tượng thu hút.

Với các phương án trên, ảnh hưởng của sự thay đổi chính sách (tích cực hay tiêu cực) được xem xét trên một số khía cạnh sau:

- *Về kinh tế:* Khả năng đáp ứng của ngân sách tỉnh, khả năng cung cấp dịch vụ công trên địa bàn.
- *Về xã hội:* Chất lượng cung ứng dịch vụ công, việc làm, thu nhập và tài sản của đối tượng thu hút, sự gắn kết gia đình.
- *Về khía cạnh giới:* Cơ hội việc làm và thu nhập giữa lao động nam và nữ.
- *Về thủ tục hành chính:*
- *Về hệ thống pháp luật.*

Trên cơ sở đánh giá tác động của chính sách, cần tổng hợp so sánh các giải pháp, cụ thể:

GIẢI PHÁP 1: GIỮ NGUYÊN			
	Tích cực	Tiêu cực	Xếp hạng
Nhà nước	Không	Không thu hút được CCVC, người có chức danh chuyên môn cao làm việc trong một số ngành và lĩnh vực, địa bàn có nhu cầu mà nguồn nhân lực tại chỗ không đáp ứng được theo yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội, ngành, nhu cầu của người dân địa phương; không tăng được năng lực cạnh tranh nhờ chất lượng hoạt động, DVC của cơ quan, tổ chức, địa phương.	YẾU
Người dân	Không	Người có trình độ cao không có cơ hội, điều kiện cống hiến/làm việc tại những ngành, nghề, lĩnh vực, địa bàn có nhu cầu.	
Tổ chức	Không có	Không tăng được chất lượng đội ngũ CCVC, chất lượng DVC.	
Đối tượng khác			
GIẢI PHÁP 2			
	Tích cực	Tiêu cực	Xếp hạng
Nhà nước	Thu hút được đội ngũ CCVC, chức danh chuyên môn trình độ cao cho các lĩnh vực, địa bàn có nhu cầu.	Phải đầu tư từ Ngân sách Nhà nước để thực hiện chính sách thu hút.	TRUNG BÌNH
Người được thu hút	Được thu hút với những điều kiện ưu đãi về việc làm, thu nhập.	Chưa bảo đảm bình đẳng về cơ hội được thu hút giữa nam/ nữ do các quy định về tuổi, số năm công tác còn lại trước khi nghỉ hưu.	
Tổ chức	Như CQNN.	Phải đầu tư từ Ngân sách Nhà nước để thực hiện chính sách thu hút.	
Đối tượng khác			
GIẢI PHÁP 3			
	Tích cực	Tiêu cực	Xếp hạng
Nhà nước	Thu hút được đội ngũ CCVC, chức danh chuyên môn trình độ cao cho các lĩnh vực, địa bàn có nhu cầu.	Phải đầu tư từ Ngân sách Nhà nước, Quỹ nhà ở dành cho CCVC để thực hiện chính sách thu hút.	TỐT
Người được thu hút	Được thu hút với những điều kiện ưu đãi về việc làm, thu nhập và nhà ở cho cá nhân và gia đình .	Chưa bảo đảm bình đẳng về cơ hội được thu hút giữa nam/ nữ khi quy định số năm công tác còn lại trước khi nghỉ hưu; đồng thời chưa có quy định rõ về bảo đảm nhà ở cho gia đình cùng với người được thu hút.	

#### 1.2.4. Lồng ghép vấn đề BĐG trong xây dựng Báo cáo ĐGTĐCS,

Được thực hiện theo Mẫu số 01, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, không có Báo cáo LGVĐBĐG riêng.

##### Các câu hỏi gợi ý 12:

- Nếu là chính sách để giải quyết vấn đề giới: Báo cáo đã thể hiện rõ vấn đề bất cập về giới; mục tiêu giải quyết vấn đề giới; các giải pháp được dự kiến để giải quyết vấn đề giới và tác động của các giải pháp đó đối với mỗi giới?
- Nếu là chính sách để giải quyết một vấn đề bất cập có khía cạnh giới trong trong giải quyết vấn đề kinh tế, xã hội: Báo cáo cần thể hiện rõ trong quá trình ĐGTĐCS đã làm rõ khía cạnh giới của vấn đề bất cập chưa? Đã xem xét, đánh giá tác động về kinh tế, về xã hội của các giải pháp đối với khía cạnh giới như thế nào? Đã khắc phục được vấn đề bất cập? hay làm phát sinh vấn đề giới mới?
- Nếu là chính sách để giải quyết một vấn đề bất cập không có khía cạnh giới cũng cần làm rõ, đã xem xét tác động về kinh tế, về xã hội của các giải pháp chính sách đối với mỗi giới chưa và có phát hiện những tác động khác biệt có thể gây bất BĐG, phân biệt đối xử về giới? Nếu có thì đã đề xuất biện pháp để hạn chế tác động tiêu cực về giới, điều kiện bảo đảm?

#### 1.3. Lồng ghép vấn đề BĐG trong việc lấy ý kiến đề nghị xây dựng VBQPPL

Làm gì	Làm như thế nào
<ul style="list-style-type: none"><li>• Lấy ý kiến về dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng VBQPPL, về dự thảo Báo cáo ĐGTĐCS.</li><li>• Lồng ghép vấn đề BĐG trong lấy ý kiến nghĩa là phải bảo đảm nguyên tắc BĐG trong nội dung, hình thức, đối tượng lấy ý kiến. Bảo đảm các tổ chức đại diện và cá nhân nam và nữ thuộc đối tượng bị điều chỉnh có tiếng nói và được đóng góp ý kiến.</li><li>• Điều này sẽ giúp gia tăng hiệu quả và chất lượng của chính sách nhờ cân nhắc các nhu cầu và mối quan tâm của các bên liên quan.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Lồng ghép vấn đề BĐG trong lựa chọn đối tượng lấy ý kiến, tham vấn (các đối tượng chịu tác động trực tiếp, các cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách; cơ quan quản lý nhà nước về BĐG; Hội liên hiệp phụ nữ).</li><li>• Sử dụng phương pháp, thời gian và địa điểm phù hợp để lấy ý kiến của nam và nữ thuộc nhóm đối tượng chịu tác động.</li><li>• Cân nhắc và xem xét các ý kiến đóng góp của CQ quản lý nhà nước về BĐG, đối tượng chịu sự điều chỉnh để hoàn thiện đề nghị xây dựng VBQPPL.</li></ul>

Để thực hiện việc lồng ghép vấn đề BĐG trong lấy ý kiến, đề nghị áp dụng các câu hỏi kiểm tra sau:

**Câu hỏi gợi ý 13:** Đã xác định các nội dung lấy ý kiến, tham vấn về việc lồng ghép vấn đề BĐG trong xây dựng nội dung chính sách và ĐGTĐCS chưa? Cụ thể, lấy ý kiến, tham vấn về:

- Việc xác định các vấn đề giới, khía cạnh giới trong các chính sách, giải pháp nhằm giải quyết vấn đề giới đã đúng, trúng chưa?

- Việc ĐGTĐCS về kinh tế, về xã hội, về giới đã dựa trên những thông tin, dữ liệu đáng tin cậy và dự báo đúng những tác động tích cực/tiêu cực của chính sách đối với nam giới và nữ giới chưa?
- Giải pháp chính sách được lựa chọn có tạo cơ hội bình đẳng cho cả nữ giới và nam giới về cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng quyền, lợi ích không? Nếu có tác động khác biệt, tiêu cực đối với nam giới hoặc nữ giới thì đã có biện pháp để khắc phục, hạn chế tác động tiêu cực lên mỗi giới chưa? Giải pháp đó có tối ưu, đảm bảo tính khả thi?
- Lồng ghép vấn đề BĐG trong lựa chọn đối tượng lấy ý kiến, tham vấn (các đối tượng chịu tác động trực tiếp, các cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách).

**Câu hỏi gợi ý 14:** Đã đảm bảo tỷ lệ hợp lý nam giới, nữ giới và đảm bảo nguyên tắc không phân biệt đối xử trong lựa chọn các đối tượng lấy ý kiến, tham vấn chưa?

- Đã đảm bảo việc lấy ý kiến phản biện chính sách của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, của cơ quan Lao động, Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới chưa?
- Lồng ghép vấn đề BĐG trong lựa chọn hình thức lấy ý kiến, tham vấn.

**Câu hỏi gợi ý 15:** Đã lựa chọn hình thức lấy ý kiến, tham vấn phù hợp với điều kiện tham gia của nam giới, nữ giới tại các địa bàn khác nhau chưa? Cách trình bày nội dung lấy ý kiến, tham vấn đã ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, dễ trả lời, phù hợp với đối tượng lấy ý kiến; việc lấy ý kiến có đại diện thuộc hai giới chưa?

#### **1.4. Lồng ghép VĐBĐG trong lập Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết**

Theo quy định tại Điều 114 Luật Ban hành VBQPPL thì hồ sơ đề nghị xây dựng NQ gồm: (i) Tờ trình; (ii) Báo cáo ĐGTĐCS; (iii) Báo cáo tổng kết việc thi hành hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách (iv) Bản tổng hợp ý kiến góp ý, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý; (v) dự kiến Đề cương chi tiết NQ; (vi) Tài liệu khác nếu có.

Việc LGVĐBĐG ở khâu lập Hồ sơ chủ yếu thể hiện ở việc xây dựng, hoàn thiện Báo cáo ĐGTĐCS (theo mẫu số 01, Phụ lục V Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

Cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng NQ cần xem xét và cân nhắc ý kiến đóng góp của các bên liên quan, trong đó có ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về BĐG, HLHPN và cân nhắc các ý kiến đóng góp riêng của nam và riêng của nữ thuộc nhóm đối tượng bị tác động. Trên cơ sở kết quả ý kiến góp ý, cơ quan lập đề nghị xây dựng đề nghị xây dựng NQ có trách nhiệm xây dựng Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu sự tác động, chuyên gia, nhà khoa học. Trên cơ sở đó, hoàn thiện Hồ sơ trước khi trình Sở Tư pháp thẩm định.

### 1.5. Lồng ghép vấn đề BĐG trong thẩm định đề nghị xây dựng VBQPPL

Làm gì	Làm như thế nào
<ul style="list-style-type: none"> <li>Cơ quan thẩm định văn bản QPPL phối hợp với cơ quan quản lý về bình đẳng giới để đánh giá việc lồng ghép vấn đề BĐG trong xây dựng văn bản QPPL.</li> <li>Thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND theo quy định tại Điều 115 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015, theo đó, một trong những nội dung cần thẩm định là “việc lồng ghép vấn đề BĐG trong đề nghị xây dựng VBQPPL nếu chính sách liên quan đến vấn đề BĐG” (khoản 3 Điều 115, khoản 3 Điều 39 Luật Ban hành VBQPPL).</li> <li>Xây dựng Báo cáo thẩm định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có công văn đề nghị hoặc mời đại diện cơ quan quản lý nhà nước về BĐG (cơ quan lao động, thương binh – xã hội) có ý kiến về việc lồng ghép vấn đề BĐG.</li> <li>Đã xem xét, đánh giá đầy đủ các nội dung lồng ghép vấn đề BĐG trong xây dựng nội dung chính sách, đề nghị xây dựng VBQPPL chưa?</li> <li>Thẩm định theo các nội dung: (i) xác định vấn đề giới, mục tiêu chính sách và các giải pháp chính sách được dự kiến để giải quyết vấn đề giới; (ii) ĐGTĐ về kinh tế, về xã hội của các giải pháp chính sách đối với nam, nữ và lý do lựa chọn giải pháp để bảo đảm mục tiêu thúc đẩy BĐG, các nguyên tắc BĐG; (iii) xác định trách nhiệm, nguồn lực để bảo đảm tính khả thi của việc giải quyết các vấn đề giới; (iv) việc tuân thủ các quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ lồng ghép vấn đề BĐG trong giai đoạn lập đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND.</li> <li>Báo cáo thẩm định phải thể hiện rõ, đầy đủ đánh giá, kết luận thẩm định về sự cần thiết, sự phù hợp, tính hợp hiến, hợp pháp, tính hợp lý và khả thi của chính sách, giải pháp giải quyết các vấn đề giới trong đề nghị xây dựng nghị quyết và tính đầy đủ, tuân thủ pháp luật về quy trình, thủ tục, hồ sơ lồng ghép vấn đề BĐG trong đề nghị xây dựng nghị quyết. Báo cáo thẩm định phải thể hiện đề nghị xây dựng nghị quyết đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.</li> </ul>

#### Các câu hỏi gợi ý:

Đã xem xét, đánh giá đầy đủ các nội dung lồng ghép vấn đề BĐG trong xây dựng nội dung chính sách, đề nghị xây dựng nghị quyết chưa?

Theo quy định tại khoản 3, Điều 21 Luật Bình đẳng giới, việc thẩm định cần tập trung vào các nội dung sau:

- (i) Xác định vấn đề giới, mục tiêu chính sách và các giải pháp chính sách được dự kiến để giải quyết vấn đề giới;
- (ii) Đánh giá tác động về kinh tế, xã hội của các giải pháp chính sách đối với nam, nữ và lý do lựa chọn giải pháp để bảo đảm mục tiêu thúc đẩy BĐG, các nguyên tắc BĐG;
- (iii) Xác định trách nhiệm, nguồn lực để bảo đảm tính khả thi của việc giải quyết các vấn đề giới;
- (iv) Việc tuân thủ các quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ lồng ghép vấn đề BĐG trong giai đoạn lập đề nghị xây dựng VBQPPL.

Báo cáo thẩm định đã có đủ các nội dung đánh giá, xem xét, kết luận về việc lồng ghép vấn đề BDG trong chính sách, đề nghị xây dựng nghị quyết chưa?

Báo cáo thẩm định phải thể hiện rõ, đầy đủ nội dung cần thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Luật Bình đẳng giới và khoản 3 Điều 39 Luật Ban hành VBQPPL. Báo cáo thẩm định cũng cần thể hiện rõ lập luận và ý kiến của cơ quan thẩm định về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau liên quan đến việc đánh giá tác động về giới của chính sách, lồng ghép vấn đề BDG trong đề nghị xây dựng nghị quyết; việc đề nghị xây dựng nghị quyết đã đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với đề nghị xây dựng nghị quyết do Ủy ban nhân dân trình?

- Thành phần lấy ý kiến và tham gia thẩm định lồng ghép vấn đề BDG trong đề nghị xây dựng nghị quyết đã tuân thủ quy định của Luật Bình đẳng giới và Luật Ban hành VBQPPL chưa?
- Luật BDG quy định cơ quan chủ trì phải lấy ý kiến phản biện xã hội của Hội LHPNVN và ý kiến thẩm định bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về BDG về việc lồng ghép vấn đề BDG trong chính sách, dự thảo VBQPPL. Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 và Nghị định 34/2016/NĐ-CP cũng quy định cơ quan LĐ-TB và XH là một trong các cơ quan phải được lấy ý kiến và tham gia thẩm định (đặc biệt là về ĐGTĐ xã hội và ĐGTĐ giới) để nghị xây dựng VBQPPL<sup>38</sup>. Ngoài ra, trong thành phần tham gia thẩm định có các chuyên gia trong các lĩnh vực liên quan nội dung chính sách cần thẩm định, do đó, cơ quan thẩm định có thể mời chuyên gia về giới tham dự hoặc góp ý về nội dung lồng ghép vấn đề BDG trong đề nghị xây dựng nghị quyết.

38 Điểm c, khoản 2, Điều 13 Nghị định 34, quy định Sở Tư pháp có trách nhiệm “Trường hợp cần thiết, tổ chức họp tư vấn thẩm định hoặc thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định có sự tham gia của đại diện Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học”.

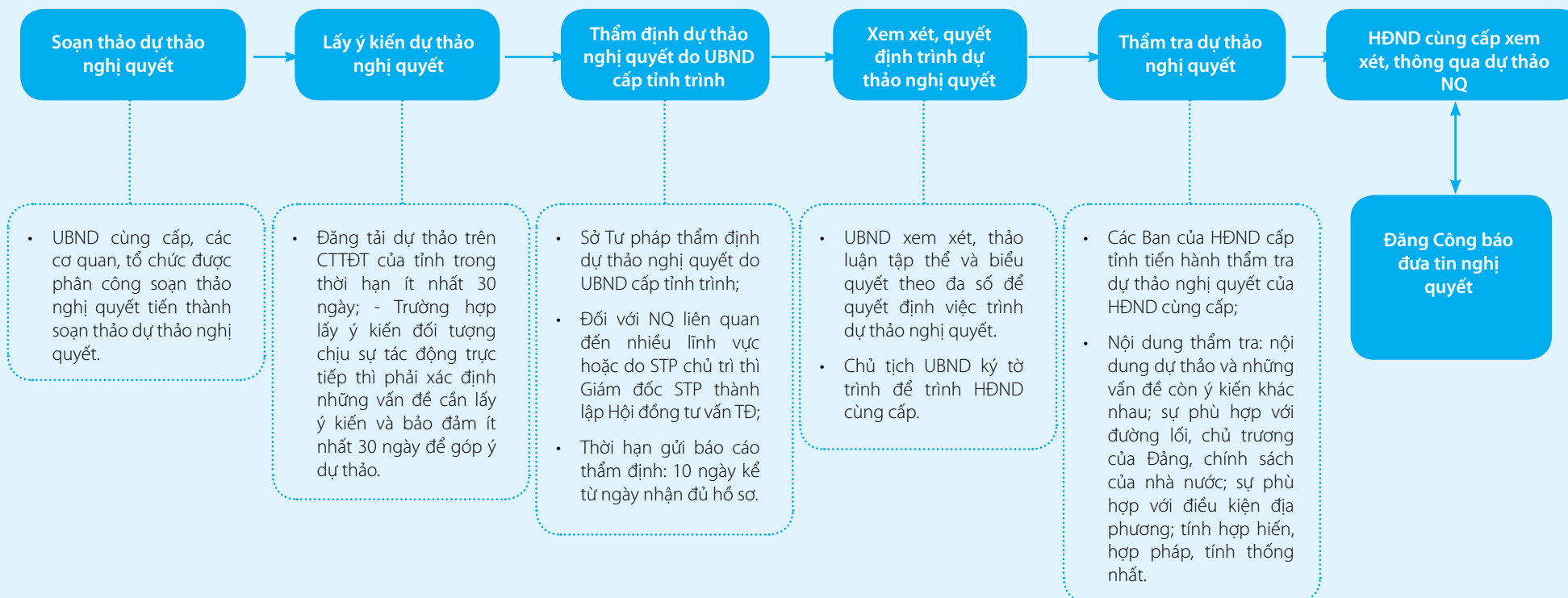
## 2. THỰC HIỆN LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BDG TRONG GIAI ĐOẠN SOẠN THẢO

### 2.1. Quy trình soạn thảo đối với văn bản đã thực hiện việc lập đề nghị xây dựng VBQPPL

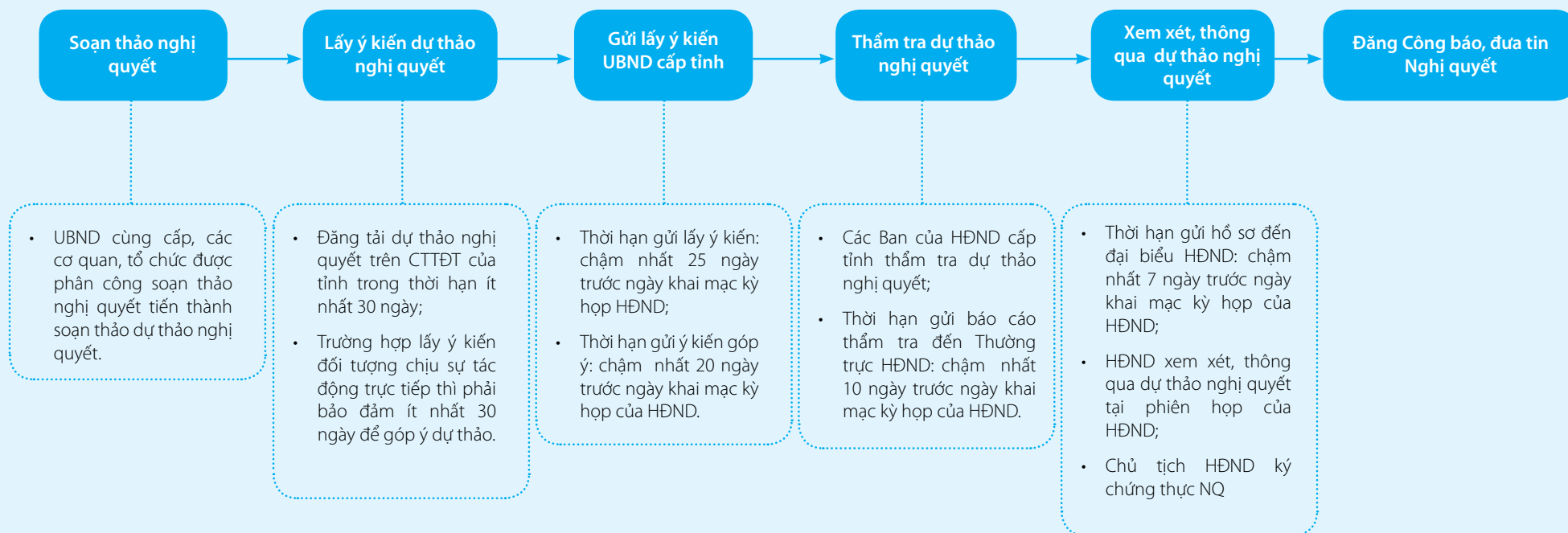
Giai đoạn soạn thảo VBQPPL gồm 06 bước: (1) soạn thảo; (2) lấy ý kiến; (3) thẩm định; (4) xem xét quyết định trình dự thảo lên cấp có thẩm quyền thông qua hoặc ký ban hành theo thẩm quyền (đối với nghị định của Chính phủ); (5) thẩm tra dự thảo VBQPPL (đối với VBQPPL của Quốc hội, UBNDTVQH và nghị quyết của HĐND cấp tỉnh); (6) xem xét thông qua; (7) công bố, đăng Công báo. Cụ thể:



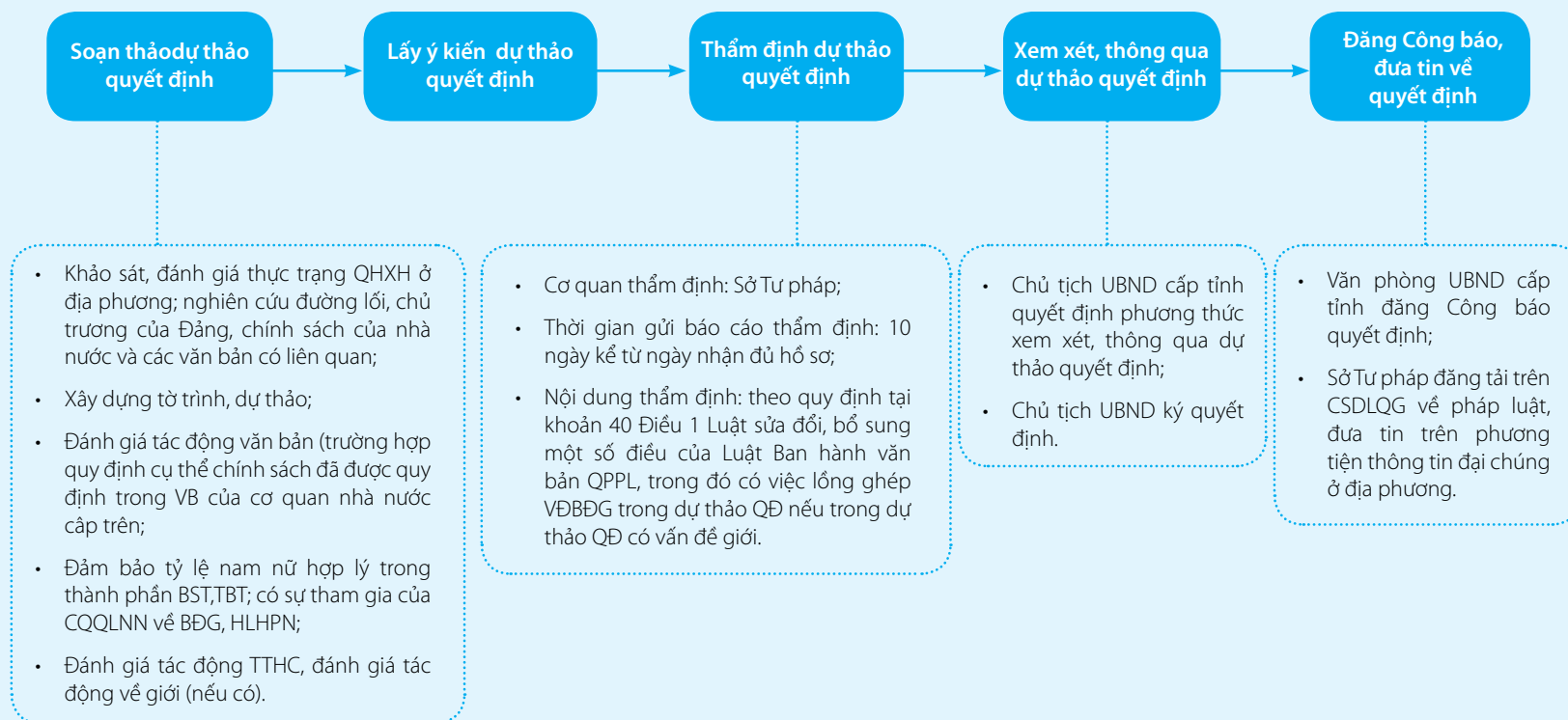
## SƠ ĐỒ QUY TRÌNH SOẠN THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP TỈNH DO UBND CẤP TỈNH TRÌNH



## SƠ ĐỒ QUY TRÌNH SOẠN THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND CẤP TỈNH DO CÁC BAN CỦA HĐND, MTTQ VIỆT NAM TRÌNH



## SƠ ĐỒ QUY TRÌNH SOẠN THẢO QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH





Nhiệm vụ chủ yếu của giai đoạn soạn thảo là “*quy phạm hóa*” chính xác, đầy đủ, minh bạch các chính sách và các giải pháp chính sách đã được phê duyệt ở giai đoạn lập đề nghị xây dựng nghị quyết<sup>39</sup>. Lồng ghép vấn đề BDG trong giai đoạn soạn thảo nghị quyết: Việc lồng ghép vấn đề BDG trong giai đoạn lập đề nghị xây dựng nghị quyết với sản phẩm cụ thể là kết quả ĐGTĐCS (bao gồm ĐGTĐ về kinh tế, xã hội, giới (nếu có), TTTC (nếu có) và đối với HTPL) được thể hiện trong Báo cáo ĐGTĐCS tại Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết. Từ góc độ bảo đảm các nguyên tắc BDG trong VBQPPL, các kết quả đó là: Giải pháp chính sách được lựa chọn để giải quyết vấn đề giới (nếu có vấn đề giới độc lập hoặc có khía cạnh giới trong vấn đề bất cập cần giải quyết); các tác động về giới được phát hiện khi đánh giá tác động về kinh tế, về xã hội của các giải pháp chính sách khác trong đề xuất xây dựng nghị quyết; biện pháp khắc phục tác động không mong đợi về giới (nếu có) của giải pháp được lựa chọn.

Tiếp thu kết quả này, trong giai đoạn soạn thảo, cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc lồng ghép vấn đề BDG bằng việc chuyển hóa chính xác các nội dung chính sách và giải pháp chính sách thành các quy phạm pháp luật, các điều khoản trong dự thảo nhằm giải quyết vấn đề giới và khắc phục các tác động về giới của các giải pháp chính sách được lựa chọn.

Ở giai đoạn soạn thảo, việc lồng ghép vấn đề BDG trong tổ chức lấy ý kiến, thẩm định được thực hiện tương tự như giai đoạn lập đề nghị. Ngoài ra, trong thành phần Ban soạn thảo, Tổ biên tập phải đảm bảo sự tham gia của cơ quan quản lý nhà nước

39 Điều 119, Luật Ban hành VBQPPL quy định: Nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo nghị quyết là tổ chức xây dựng dự thảo nghị quyết, bảo đảm sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với các quy định trong văn bản QPPL đã giao quy định chi tiết đối với nghị quyết quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này; bảo đảm sự thống nhất của dự thảo nghị quyết đối với chính sách đã được thông qua đối với nghị quyết quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 27 Luật này.

về bình đẳng giới, của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, các chuyên gia pháp luật, chuyên gia giới; phải bảo đảm có tỷ lệ hợp lý giữa nam giới và nữ giới trong Ban soạn thảo, Tổ biên tập. Đối với các văn bản có quy định liên quan đến trẻ em thì cần có sự tham gia của cơ quan văn hóa, thể thao và du lịch.

## **2.2. Quy trình soạn thảo đối với văn bản không phải lập đề nghị**

Quy trình này áp dụng với các hình thức VBQPPL như: lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; nghị định quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19; quyết định của Thủ tướng Chính phủ, các VBQPPL thuộc thẩm quyền của Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; nghị quyết của HĐND cấp tỉnh quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 27, quyết định của UBND cấp tỉnh; nghị quyết của HĐND và quyết định của UBND cấp huyện, cấp xã, các hình thức VBQPPL liên tịch.

Đối với các văn bản này, việc xác định vấn đề cần giải quyết, xây dựng nội dung và giải pháp chính sách cũng như việc ĐGTĐCS của VBQPPL được thực hiện tại bước soạn thảo (sau khi đã tổng kết thực tiễn, khảo sát các quan hệ xã hội liên quan...). Việc lồng ghép vấn đề ĐDG được thực hiện tương tự như giai đoạn lập đề nghị (lồng ghép trong xác định vấn đề, xây dựng nội dung chính sách và ĐGTĐCS).

Việc xây dựng nội dung chính sách, ĐGTĐCS của dự thảo VBQPPL được thực hiện ngay sau khi tổng kết thực tiễn thi hành, nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND cùng cấp và các tài liệu có liên quan trước khi soạn thảo. Khoản 39, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL quy định cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định của UBND cấp tỉnh có trách nhiệm: "*c) đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội*

*giao, đánh giá tác động về giới (nếu có)*".

Như vậy, đối với quyết định của UBND cấp tỉnh thì không phải thực hiện việc ĐGTĐCS trong quá trình soạn thảo mà chỉ thực hiện việc ĐGTĐ giới (nếu có). Việc ĐGTĐ giới thực hiện tương tự như ở giai đoạn lập đề nghị. Cụ thể: Nếu xác định có vấn đề giới trong phạm vi điều chỉnh của dự thảo VBQPPL thì xây dựng chính sách, giải pháp để giải quyết vấn đề giới; ĐGTĐ của các giải pháp đó, để xuất lựa chọn giải pháp tối ưu để giải quyết vấn đề giới. Khi đánh giá tác động về giới còn phải được xem xét, phân tích, dự báo các tác động về kinh tế, về xã hội liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới; xem xét các giải pháp đó có tác động khác nhau đối với nam, nữ, mức độ tác động khác biệt đó có tạo ra sự bất bình đẳng giới mới và cần có biện pháp khắc phục không.

- Tại bước thẩm định dự thảo VBQPPL, Điều 121, Điều 130 Luật Ban hành VBQPPL 2015<sup>40</sup> quy định Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự thảo nghị quyết do UBND trình, quyết định của UBND trước khi trình UBND cấp tỉnh, nội dung thẩm định bao gồm:
- Đối với dự thảo nghị quyết của HĐND do UBND trình: (i) Sự cần thiết ban hành nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật này; đối tượng, phạm vi điều chỉnh đối với dự thảo nghị quyết; (ii) Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật; (iii) Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết; sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với các chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết đã được thông qua theo quy định tại Điều 116 của Luật này;

<sup>40</sup> Được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành VBQPPL

(iv) Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản.

- Đối với dự thảo quyết định của UBND: (i) sự cần thiết ban hành quyết định quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 28 của Luật này; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo quyết định; (ii) Sự phù hợp của nội dung dự thảo quyết định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo quyết định với hệ thống pháp luật; (iii) Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính trong dự thảo quyết định, nếu trong dự thảo quyết định có quy định thủ tục hành chính; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo quyết định, nếu trong dự thảo quyết định có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới; (iv) Nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành quyết định; (v) Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản. Báo cáo thẩm định phải thể hiện rõ ý kiến của cơ quan thẩm định, dự án đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện trình.

Thẩm định việc LGVĐBĐG chính là việc xem xét cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện đầy đủ:

- (i). Việc ĐGTĐCS chưa (gồm ĐGTĐ về giới, tác động giới trong ĐGTĐ về xã hội, về kinh tế). Việc ĐGTĐCS đã thực hiện bằng phương pháp định lượng (trường hợp sử dụng phương pháp định tính thì đã nêu rõ lý do); các số liệu minh chứng khi ĐGTĐ về giới có phân tách theo giới.
- (ii). Việc tổ chức lấy ý kiến của cơ quan chủ trì soạn thảo đối với dự thảo văn bản xác định có vấn đề giới/khía cạnh giới thì đã có sự tham gia của cơ quan lao động, thương binh – xã hội, của Hội Liên hiệp Phụ nữ... đối tượng chịu sự tác động; việc tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan lập đề nghị đối với các ý kiến góp kiến nói chung, ý kiến về vấn đề giới nói riêng.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định (tại Báo cáo thẩm định), cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định (trong đó có các nội dung liên quan đến LGVĐBĐG); xây dựng Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; hoàn thiện Hồ sơ xây dựng VBQPPL trình cơ quan có thẩm quyền để thông qua.

Như vậy, với việc thực hiện quy định về lồng ghép BĐG theo Luật BĐG và đánh giá tác động về giới (trong ĐGTĐCS chung) theo Luật Ban hành VBQPPL, vấn đề BĐG đã được lồng ghép vào quy trình xây dựng VBQPPL, trở thành một bộ phận không tách rời của hoạt động xây dựng chính sách, ĐGTĐCS, bắt đầu từ xác định vấn đề thực tiễn (trong đó có vấn đề giới hoặc khía cạnh giới của vấn đề bất cập cần giải quyết) và được thực hiện trong suốt quá trình xây dựng nội dung chính sách, ĐGTĐCS ở cả giai đoạn lập đề nghị xây dựng VBQPPL lẫn giai đoạn soạn thảo.



## PHẦN THỨ BA

# LỒNG GHÉP BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

# I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

## 1. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ CỦA LỒNG GHÉP GIỚI TRONG PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, phụ nữ Việt Nam luôn có những cống hiến, đóng góp to lớn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tạo dựng truyền thống vẻ vang: Anh hùng, Bất khuất, Trung hậu, Đảm đang. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm và đánh giá cao vị trí, vai trò của phụ nữ. Ngày 9/3/1961, khi nói chuyện với các đại biểu dự Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ III, Người căn dặn: “Ngay từ khi mới thành lập, Đảng ta đã nêu rõ chính sách nam nữ bình đẳng. Hiến pháp ta đã xác định chính sách đó. Trong mọi việc, Đảng và Chính phủ ta luôn luôn quan tâm giúp đỡ phụ nữ...”<sup>41</sup>.

Với hơn một nửa dân số, chiếm hơn 48% lực lượng lao động xã hội, phụ nữ Việt Nam có mặt trong mọi lĩnh vực, trên mọi địa bàn, chủ động tham gia các hoạt động của đời sống xã hội, thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, đạt nhiều thành tích xuất sắc. Đồng thời, phụ nữ làm tốt vai trò người vợ, người mẹ, giữ thiên chức làm mẹ. Do vậy, Đảng và Nhà nước ta luôn đánh giá cao vai trò của phụ nữ và quan tâm ban hành các chủ trương, chính sách để tạo cơ sở chính trị, pháp lý cho bình đẳng giới, đấu tranh xóa bỏ dần sự bất bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới trong xã hội, trong đó có phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) về giới, bình đẳng giới, cụ thể như sau:

### 1.1. Hiến pháp năm 2013: Điều 26 quy định:

*“1. Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm*

41 Hồ Chí Minh: *toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Năm 2009, tập 10, tr. 296.

*quyền và cơ hội bình đẳng giới.*

2. *Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội.*
3. *Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới.”*

**1.2. Văn kiện Đại hội XII của Đảng xác định:** “*Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển tài năng*”<sup>42</sup>

**1.3. Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ năm 1979 (Công ước CEDAW).**

**1.4. Luật Bình đẳng giới năm 2006 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.**

**1.5. Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012:**

Điều 19 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 quy định về PBGDPL cho nạn nhân bạo lực gia đình, theo đó việc PBGDPL cho nạn nhân bạo lực gia đình tập trung vào các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình, trách nhiệm của Nhà nước và xã hội trong việc hỗ trợ, bảo vệ nạn nhân bạo lực gia đình. Hoạt động PBGDPL cho nạn nhân bạo lực gia đình được chú trọng thực hiện thông qua hòa giải ở cơ sở, trợ giúp

42 Báo cáo chính trị của BCH Trung ương Đảng khoá XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc khoá XII của Đảng (trang 163) – Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng



pháp lý lưu động, tư vấn pháp luật miễn phí, PBGDPL trực tiếp tại nơi tạm lánh, cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. Luật giao Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên Mặt trận ở cơ sở có trách nhiệm tổ chức PBGDPL cho các đối tượng là nạn nhân bạo lực gia đình, người có hành vi bạo lực gia đình; huy động các tổ chức, cá nhân hỗ trợ kinh phí thực hiện PBGDPL cho các đối tượng này. Gia đình có trách nhiệm giáo dục thành viên thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới.

**1.6. Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013:** Khoản 5 Điều 4 quy định nguyên tắc hoạt động hòa giải là *“Bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở”*. Luật cũng quy định về thành phần tổ hòa giải phải có hòa giải viên nữ (Điều 12) để bảo đảm các nữ giới có cơ hội được tham gia các hoạt động xã hội.

**1.7. Bên cạnh các cơ sở pháp lý** nêu trên, Bộ Tư pháp và Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã ký kết Chương trình phối hợp số 60/CTPH-TP-HLHPNVN ngày 05/01/2018 về thực hiện công tác PBGDPL, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật cho phụ nữ; hòa giải ở cơ sở và lồng ghép giới trong xây dựng pháp luật cho phụ nữ; hòa giải ở cơ sở và lồng ghép giới trong xây dựng pháp luật giai đoạn 2018 – 2022 nhằm mục đích bảo đảm quyền được thông tin về pháp luật của phụ nữ, kịp thời hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật tại cộng đồng dân cư, thúc đẩy việc thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, hội viên phụ nữ.

## 2. KHÁI NIỆM LỒNG GHÉP BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL) là biện pháp nhằm bảo đảm các yếu tố gây ảnh hưởng tới quyền, khả năng tiếp cận, thụ hưởng bình đẳng của phụ nữ và nam giới trong hoạt động PBGDPL sẽ được cơ quan có nhiệm vụ PBGDPL dự báo, xem xét, giải quyết thông

qua hoạt động PBGDPL. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong công tác PBGDPL được thực hiện trong toàn bộ quy trình hoạt động, từ khâu xác định nội dung PBGDPL, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả hoạt động.

## 3. YÊU CẦU LỒNG GHÉP BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG HOẠT ĐỘNG PBGDPL

- 3.1. Đảm bảo lựa chọn nội dung pháp luật bình đẳng giới phù hợp và phổ biến chính xác, đầy đủ các quy định pháp luật này.
- 3.2. Xác định đối tượng phù hợp với nội dung bình đẳng giới được tuyên truyền, phổ biến để đảm bảo tính hiệu quả.
- 3.3. Người thực hiện PBGDPL cần có kiến thức về giới, bình đẳng giới, kiến thức xã hội có liên quan; nhận thức đúng vị trí, vai trò của phụ nữ và nam giới. Nắm vững về công tác PBGDPL và kỹ năng PBGDPL. Có khả năng áp dụng được kiến thức và hiểu biết về bình đẳng giới vào công tác PBGDPL.

## 4. NỘI DUNG LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG PBGDPL

- 4.1. Các quy định của Luật Bình đẳng giới năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- 4.2. Các nguyên tắc, tinh thần, quy định pháp luật về bình đẳng giới quy định tại văn bản quy phạm pháp luật.
- 4.3. Tổng hợp các quy định về bình đẳng giới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội để phổ biến riêng theo chuyên đề.

## II. CÁC BƯỚC CỤ THỂ ĐỂ LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

### 1. XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Đối tượng PBGDPL cần được lựa chọn phù hợp với nội dung PBGDPL, theo đó đối tượng được PBGDPL về bình đẳng giới không chỉ là những nạn nhân của hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới (cả nam giới và nữ giới) mà còn bao gồm những người có nguy cơ bạo lực gia đình, buôn bán phụ nữ hoặc xâm hại tình dục, những người có liên quan, người dân trên địa bàn nhằm nâng cao hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật về bình đẳng giới.

### 2. LỰA CHỌN NỘI DUNG PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI ĐƯỢC PHỔ BIẾN VÀ HÌNH THỨC PBGDPL

**2.1. Trên cơ sở đối tượng được PBGDPL**, xác định nhu cầu của từng đối tượng cần tìm hiểu nội dung pháp luật về vấn đề bình đẳng giới để rà soát, xác định văn bản quy phạm pháp luật có nội dung về giới, bình đẳng giới để phổ biến. Việc xác định nhu cầu được phổ biến, giáo dục pháp luật về vấn đề bình đẳng giới dựa trên 02 cách thức sau đây:

#### a) Xác định nhu cầu theo phương pháp truyền thống

Cách nắm bắt nhu cầu được PBGDPL về vấn đề bình đẳng giới là một quy trình gồm 3 bước: (1) Thu thập cứ liệu; (2) Tổng hợp, phân tích, viết dự thảo báo cáo; (3) Xin ý kiến góp ý vào dự thảo báo cáo và hoàn thiện báo cáo.

- Thu thập cứ liệu: Các phương pháp thường sử dụng để thu thập cứ liệu là:

nghe, quan sát, tọa đàm, phỏng vấn, thảo luận, phân tích tài liệu (ý kiến người dân, biên bản các tọa đàm, cuộc họp ...).

- Tổng hợp, phân tích, viết dự thảo báo cáo: Sau khi đã thu thập được các cứ liệu cần thiết, người viết báo cáo phải tổng hợp, phân tích các cứ liệu và đưa ra các nhận định, đánh giá về tình hình hiểu biết, nhu cầu cần phổ biến về lĩnh vực pháp luật có liên quan đến bình đẳng giới. Các phân tích, tổng hợp được viết thành dự thảo báo cáo.
- Xin ý kiến góp ý đối với dự thảo báo cáo; tiếp thu và sửa chữa, hoàn thiện dự thảo báo cáo để trở thành báo cáo chính thức.

Nếu quy trình này không được tuân thủ nghiêm ngặt thì chất lượng báo cáo có thể không đáng tin cậy. Phương pháp truyền thống dễ làm, cán bộ không cần phải đào tạo nhiều, ít tốn kém về thời gian và chi phí. Tuy nhiên, các thông tin thu được dễ mang tính chủ quan, phiến diện, thiếu rõ ràng về mặt định lượng.

#### b) Nắm bắt bằng phương pháp điều tra thông qua phiếu khảo sát

Điều tra thông qua phiếu khảo sát là hình thức phỏng vấn một lượng người nhất định, được lựa chọn theo những cách thức khoa học; do vậy chỉ cần điều tra (phỏng vấn) một lượng người không lớn, nhưng kết quả thu được cũng gần giống như kết quả điều tra toàn bộ cộng đồng. Các phương pháp điều tra dư luận xã hội cho phép khắc phục những điểm hạn chế của các phương pháp truyền thống nêu trên. Tuy nhiên, các phương pháp điều tra dư luận xã hội cũng

có những khó khăn như: chi phí lớn, cán bộ phải được đào tạo cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ, phải có những kiến thức nhất định về xã hội học, tâm lý học.

## 2.2. Hình thức PBGDPL lồng ghép bình đẳng giới cần được lựa chọn phù hợp với đối tượng và địa bàn (tham khảo các hình thức PBGDPL tại Phần III).

### 3. LỰA CHỌN BÁO CÁO VIÊN PHÁP LUẬT, TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT

Việc lựa chọn báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật đóng vai trò rất quan trọng đối với hiệu quả của lồng ghép giới, vấn đề bình đẳng giới trong PBGDPL. Báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật cần đáp ứng yêu cầu tại điểm 1. Bên cạnh đó, tùy từng đối tượng, lĩnh vực pháp luật về bình đẳng giới được phổ biến mà lựa chọn báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật cho phù hợp. Ví dụ, đối với việc phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, có thể chọn báo cáo viên là những người đã từng là nạn nhân của bạo lực gia đình, buôn bán phụ nữ hoặc là nạn nhân của xâm hại tình dục để tăng sự thuyết phục trong PBGDPL về phòng, chống bạo lực gia đình.

### 4. LỰA CHỌN ĐỊA ĐIỂM PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRỰC TIẾP

Một trong những vấn đề quan trọng là việc lựa chọn địa điểm để lồng ghép giới, bình đẳng giới trong PBGDPL trên cơ sở đối tượng và tính chất, nội dung của pháp luật. Với đối tượng và tính chất của cuộc PBGDPL có tính đại trà, cho đông người tham gia thì có thể tổ chức tại hội trường. Tuy nhiên, với đối tượng là những người bị xâm hại bởi hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới, cần thông tin, chia sẻ có tính chất cá biệt, ít người tham dự gắn với thông tin về kỹ năng tự bảo vệ bản thân trước hành vi vi phạm phạm pháp luật này thì cần tổ chức ở địa điểm

phù hợp, có thể là tại nhà riêng, nơi tạm lánh, cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình...

### 5. LỰA CHỌN THỜI ĐIỂM PHỔ BIẾN PHÙ HỢP VỚI ĐỐI TƯỢNG, ĐỊA BÀN

Đối với một số đối tượng, địa bàn, việc PBGDPL cần chú ý thời điểm tổ chức hoạt động để đảm bảo hiệu quả, thu hút nhiều người tham gia. Ví dụ như:

#### 5.1. Bố trí thời gian phát thanh chương trình PBGDPL:

Nên bố trí thời gian phát thanh thích hợp với tập quán sinh hoạt của người dân địa phương nhằm thu hút đông đảo người nghe, phát huy cao nhất hiệu quả tác động của chương trình. Tại địa bàn nông thôn, vào những ngày nông nhàn có thể bố trí phát thanh vào buổi sáng hoặc buổi chiều. Trong ngày mùa thì nên bố trí vào buổi chiều tối hoặc buổi tối. Sau ngày làm việc vất vả, bà con nghỉ ngơi nghe chương trình phát thanh, hiệu quả tác động sẽ cao hơn. Ở địa bàn thành thị, nên bố trí thời gian phát thanh vào buổi chiều tối hoặc vào thứ bảy, chủ nhật.

**5.2. Về thời gian** cuộc thi tìm hiểu pháp luật được xác định, sắp xếp cho phù hợp với quy mô, phạm vi, nội dung và hình thức thi. Thời gian thi nên tương xứng với quy mô tổ chức và nội dung thi để những người dự thi kịp tham dự và có thời gian chuẩn bị tốt cho cuộc thi. Song cũng không vì thế mà kéo thời gian thi quá dài, sẽ làm giảm không khí sôi nổi cũng như làm mất đi tính thời sự của cuộc thi. Thời điểm tổ chức cuộc thi cũng có ý nghĩa quan trọng. Một mặt tăng thêm ý nghĩa cuộc thi. Mặt khác, cuộc thi góp phần tăng cường nhiệm vụ chính trị, quản lý trong địa bàn. Các mốc thời gian của cuộc thi thường dựa vào các ngày lễ lớn, gắn với nhiệm vụ chính trị của đất nước, địa phương.

## 6. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Sau khi xác định được các vấn đề quy định tại mục 1, 2, 3, 4 nêu trên, cần xây dựng Kế hoạch thực hiện, cụ thể như sau:

**6.1. Kế hoạch xác định đối tượng PBGDPL;** kiến thức pháp luật cần phổ biến; sẽ sử dụng hình thức, phương pháp PBGDPL nào; cần phải có những điều kiện bảo đảm để cuộc tuyên truyền, PBGDPL đạt hiệu quả cao nhất; đánh giá hiệu quả sau khi kết thúc hoạt động tuyên truyền, PBGDPL.

### 6.2. Các bước xây dựng kế hoạch:

#### a) Bước chuẩn bị:

Trước khi xây dựng dự thảo kế hoạch PBGDPL, cần thực hiện một số công việc chuẩn bị sau đây:

*Thứ nhất*, lựa chọn loại kế hoạch PBGDPL về giới, bình đẳng giới cần xây dựng. Căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ, cần xác định loại kế hoạch PBGDPL cần xây dựng cho phù hợp.

Có nhiều loại kế hoạch PBGDPL về giới, bình đẳng giới như: Kế hoạch PBGDPL theo thời gian, gồm: kế hoạch dài hạn (từ ba đến năm năm), kế hoạch ngắn hạn (hàng năm hoặc hàng quý, hàng tháng); kế hoạch tổ chức hoạt động PBGDPL cụ thể (ví dụ: kế hoạch tổ chức thi tìm hiểu pháp luật, kế hoạch tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật...).

*Thứ hai*, xác định căn cứ xây dựng kế hoạch. Tùy thuộc vào loại kế hoạch, cần xác định các căn cứ để xây dựng. Cụ thể là các chương trình, kế hoạch, hướng dẫn của cấp trên trong công tác PBGDPL, trong đó có nội dung về giới, bình đẳng giới, các yêu cầu, nhiệm vụ chính trị và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở địa bàn.

*Thứ ba*, xác định mức độ hiểu biết và nhu cầu về lĩnh vực pháp luật liên quan đến vấn đề giới, bình đẳng giới cần tìm hiểu của đối tượng được phổ biến. Công việc này được thực hiện thông qua khảo sát bằng việc hỏi trực tiếp hoặc phát phiếu điều tra, thông qua đề xuất của cán bộ làm công tác PBGDPL, cán bộ làm công tác bình đẳng giới hoặc nắm bắt thông qua việc giao tiếp hàng ngày với những người là đối tượng được PBGDPL. Mục đích chính là để đánh giá xem đối tượng được PBGDPL hiểu biết pháp luật ở mức độ nào và họ cần tìm hiểu những nội dung gì để khi xây dựng kế hoạch sẽ xác định được những nội dung thích hợp.

#### b) Bước soạn thảo kế hoạch:

Cần xác định mục đích, yêu cầu của hoạt động PBGDPL liên quan đến vấn đề giới, bình đẳng giới. Mục tiêu cần cụ thể, dễ hiểu, đo lường được, có thể đạt được. Ví dụ: Sau khi PBGDPL sẽ có bao nhiêu người hiểu được những vấn đề cơ bản của nội dung được PBGDPL.

Sau khi xác định mục tiêu, yêu cầu, cần xác định đối tượng được PBGDPL, nội dung pháp luật liên quan đến giới, bình đẳng giới cần phổ biến; hình thức thực hiện; tiến độ, địa điểm; tổ chức thực hiện (biện pháp thực hiện, ai chủ trì thực hiện, ai phối hợp thực hiện; kinh phí bảo đảm; phương pháp đánh giá hiệu quả sau khi kết thúc hoạt động).

c) Bước tham khảo ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan vào dự thảo kế hoạch và hoàn chỉnh kế hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tùy theo quy mô, tính chất của hoạt động PBGDPL mà lựa chọn phạm vi cơ quan, tổ chức cần lấy ý kiến. Nếu quy mô của hoạt động PBGDPL lớn, tính chất quan trọng thì nên lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức như: cơ quan lao động – thương binh và xã hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, các chuyên gia, nhà khoa học về giới và bình đẳng giới...

## 7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Trên cơ sở các nhiệm vụ, giải pháp được đề ra trong Kế hoạch, tổ chức thực hiện theo tiến độ, bảo đảm chất lượng. Sau khi thực hiện xong Kế hoạch, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả thực hiện<sup>43</sup> để xác định kết quả, thuận lợi; khó khăn, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, qua đó làm cơ sở để triển khai công tác PBGDPL nói chung, lồng ghép giới, bình đẳng giới trong PBGDPL nói riêng trong thời gian tới.

43 Hiện nay việc đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL được thực hiện theo Thông tư số 03/2018/TT-BTP ngày 10/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL



# III. MỘT SỐ HÌNH THỨC LỒNG GHÉP BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG HOẠT ĐỘNG PBGDPL

## 1. LỒNG GHÉP BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT TRỰC TIẾP

**1.1. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong phổ biến pháp luật trực tiếp** là một hình thức PBGDPL mà người nói trực tiếp nói với người nghe những vấn đề liên quan đến pháp luật về bình đẳng giới nhằm nâng cao nhận thức pháp luật cho người nghe, hướng cho người nghe hành động theo các chuẩn mực của lĩnh vực pháp luật này.

### 1.2. Ưu điểm của phổ biến pháp luật trực tiếp:

- Là sự giao tiếp trực tiếp để cung cấp và trao đổi thông tin nên phổ biến pháp luật trực tiếp sử dụng được mọi ưu thế của giao tiếp trực tiếp. Khi thực hiện việc phổ biến pháp luật trực tiếp, người nói có đủ điều kiện thuận lợi để giải thích, phân tích, sáng tỏ nội dung cần tuyên truyền; thực hiện được chức năng thông tin cả 2 chiều.
- Có thể sử dụng triệt để nhất ưu thế của ngôn ngữ nói và “kênh” phi ngôn ngữ (dáng điệu, thái độ, cử chỉ, uy tín của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật...).
- Là hình thức phổ biến linh hoạt, được tiến hành một cách thường xuyên và rộng rãi ở nhiều nơi, trong các điều kiện khác nhau với số lượng người nghe khác nhau.

### 1.3. Phương thức thực hiện:

- Mở hội nghị, lớp tập huấn kiến thức pháp luật về giới, bình đẳng giới;
- Tổ chức nói chuyện chuyên đề;
- Lồng ghép nội dung pháp luật vào hội thảo, tọa đàm, buổi họp (của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, tổ dân phố, thôn, làng, cụm dân cư...)...

## 2. LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG PBGDPL THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT; TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

**2.1. Tư vấn pháp luật** được hiểu là việc giải đáp pháp luật, hướng dẫn cá nhân, tổ chức xử sự đúng pháp luật; cung cấp dịch vụ pháp lý giúp cho các cá nhân, tổ chức thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý, giúp người được trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; góp phần vào việc PBGDPL, bảo vệ công lý, bảo đảm công bằng xã hội, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và vi phạm pháp luật.

**2.2. Ưu điểm của lồng ghép** vấn đề bình đẳng giới trong PBGDPL thông qua hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý lưu động:

- Những người thực hiện tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý có kiến thức pháp luật, có kỹ năng, kinh nghiệm trong công tác, trong đó có kiến thức và kỹ năng về bình đẳng giới.

- Tập trung vào giải quyết những vướng mắc pháp luật, những vụ việc cụ thể của người yêu cầu được tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, trong đó có vướng mắc pháp luật về bình đẳng giới, đồng thời đây là lĩnh vực có những nội dung vấn đề bình đẳng giới trong PBGDPL thông qua tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý có mức độ ảnh hưởng sâu sắc hơn tới bản thân người được tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, đồng thời có sức lan tỏa tới những người xung quanh.

### 2.3. Phương thức thực hiện:

- Thông qua hoạt động của các Trung tâm Trợ giúp pháp lý của Nhà nước;
- Thông qua hoạt động của các Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc các tổ chức đoàn thể xã hội.

## 3. LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG PBGDPL THÔNG QUA SINH HOẠT VĂN HÓA, VĂN NGHỆ

**3.1. PBGDPL thông qua sinh hoạt văn hóa, văn nghệ** là việc lồng ghép, truyền tải các nội dung pháp luật thông qua sinh hoạt văn hóa, văn nghệ như: liên hoan văn nghệ, giao lưu văn hóa nghệ thuật ...

### 3.2. Ưu điểm

- Văn hoá, văn nghệ có ưu thế là hấp dẫn, sinh động, có sức thấm thấu vào nhận thức, tâm tư, tình cảm con người vì thế lồng ghép bình đẳng giới trong PBGDPL thông qua các loại hình văn hoá, văn nghệ có sức thu hút, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ đi vào lòng người nên hiệu quả phổ biến pháp luật rất cao.
- Địa điểm hoạt động rất đa dạng; chủ thể phổ biến pháp luật rất phong phú, đa dạng.

- Đối tượng PBGDPL đa dạng, phong phú gồm nhiều thành phần khác nhau.

**3.3. Phương thức thực hiện:** Lồng ghép nội dung pháp luật về bình đẳng giới vào các loại hình văn hóa, văn nghệ như: kịch, thơ, bài hát...

## 4. LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG PBGDPL THÔNG QUA SINH HOẠT CÂU LẠC BỘ PHÁP LUẬT

**4.1. Câu lạc bộ pháp luật** là tổ chức được thành lập và hoạt động trên tinh thần tự nguyện tham gia của những người có nhu cầu tìm hiểu pháp luật. Thông qua các hoạt động sinh hoạt của Câu lạc bộ nhằm góp phần nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật của các hội viên cũng như của toàn thể nhân dân tại địa bàn. Thực tế có một số mô hình Câu lạc bộ pháp luật đã tổ chức lồng ghép bình đẳng giới trong PBGDPL, trong đó có mời người có liên quan, hiểu biết về bạo lực gia đình, buôn bán phụ nữ hoặc xâm hại tình dục để trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm, kỹ năng cần thiết trong phòng, chống hành vi xâm hại.

### 4.2. Ưu điểm:

- Được thành lập trên cơ sở tự nguyện của hội viên nên phát huy được tính tích cực, chủ động tham gia tìm hiểu, nâng cao hiểu biết pháp luật của đối tượng.
- Câu lạc bộ là nơi quy tụ, tập hợp đông đảo thành viên tham gia, bên cạnh lồng ghép giới trong PBGDPL có thể tổ chức nhiều hoạt động khác như: giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao, học hỏi, tọa đàm, diễn đàn, trao đổi kiến thức, kinh nghiệm về sản xuất, xóa đói, giảm nghèo... Đây là hình thức phù hợp với lồng ghép bình đẳng giới trong PBGDPL, nhất là phụ nữ bị đối xử bất bình đẳng.

### 4.3. Phương thức thực hiện:

- Tổ chức buổi sinh hoạt, tọa đàm, diễn đàn... có lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong phổ biến pháp luật.
- Tổ chức thi tìm hiểu pháp luật về bình đẳng giới bằng các hình thức (thi viết, thi sân khấu, thi hái hoa dân chủ); sáng tác, biểu diễn ca khúc có lồng ghép nội dung pháp luật về bình đẳng giới; lồng ghép bình đẳng giới thông qua sinh hoạt pháp luật của các tổ chức đoàn thể, các nhóm đồng đẳng.

## 5. BIÊN SOẠN VÀ PHÁT HÀNH CÁC LOẠI TÀI LIỆU PBGDPL VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

**5.1. Tài liệu PBGDPL** vừa là một hình thức, đồng thời cũng là phương tiện để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến các đối tượng.

### 5.2. Ưu điểm:

Tài liệu PBGDPL rất đa dạng, có thể phát hành rộng rãi để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật của nhiều đối tượng với nhiều trình độ nhận thức khác nhau.

### 5.3. Hình thức tài liệu pháp luật về bình đẳng giới gồm nhiều loại như:

- Đề cương, tài liệu giới thiệu văn bản pháp luật;
- Sách pháp luật gồm: sách nghiên cứu, bình luận, hướng dẫn, giải thích pháp luật; sách giáo khoa, sách tham khảo pháp luật; sách pháp luật phổ thông (như: sách pháp luật bỏ túi, sách hỏi - đáp pháp luật, sách hướng dẫn tìm hiểu pháp luật); sách hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật...;

- Tờ gấp về pháp luật;
- Bản tin pháp luật;
- Pa nô, áp phích tuyên truyền pháp luật;
- Băng tiếng, băng hình tuyên truyền pháp luật;
- Tài liệu pháp luật khác.

## 6. LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG PBGDPL TRÊN CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG

### 6.1. PBGDPL trên các phương tiện thông tin đại chúng

- a) PBGDPL trên các phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện thông qua các loại hình báo chí như: báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử.
- b) Ưu điểm:
  - Đối tượng rộng: PBGDPL trên các phương tiện thông tin đại chúng có lợi thế là có đông đảo bạn đọc, khán giả, thính giả theo dõi.
  - Hình thức phong phú, hấp dẫn. Báo chí có nhiều loại: báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử. Trong mỗi loại hình đó lại có nhiều cách thể hiện như: tin bài, tọa đàm, diễn đàn, truyện ngắn, tiểu phẩm, phim truyền hình, phim tài liệu...;
  - Tính nhanh nhạy, kịp thời.



- Tính rộng khắp.
  - Tính phổ cập.
- c) Phương thức thực hiện: Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, chương trình pháp luật về giới, bình đẳng giới trên báo chí thông qua việc viết tin, bài, phóng sự, tổ chức tọa đàm, qua các câu chuyện, tiểu phẩm, phim...

## 6.2. PBGDPL qua mạng lưới truyền thanh cơ sở:

- a) PBGDPL qua mạng lưới truyền thanh cơ sở được thực hiện qua chương trình phát thanh của đài truyền thanh ở cơ sở.
- b) Ưu điểm:
- Có khả năng truyền tin nhanh, kịp thời;
  - Gần gũi, thân thiết với người dân ở cơ sở: bởi những nội dung pháp luật được phát thanh trên mạng lưới truyền thanh cơ sở là những quy định pháp luật liên quan thiết thực đến đời sống hàng ngày của đối tượng; phản ánh thực tiễn thi hành pháp luật, sự việc tại nơi cư trú, làm việc...
  - Hoàn toàn chủ động về thời gian: Có thể lựa chọn thời gian phát thanh một cách phù hợp với thực tế sinh hoạt, lao động ở địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp;
  - Chủ động trong việc lựa chọn nội dung: Có thể chủ động lựa chọn nội dung cho các buổi phát thanh phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và nhu cầu tìm hiểu pháp luật của người lao động, người dân;

- Có khả năng tác động tới nhiều đối tượng trong cùng một thời gian, phạm vi tác động rộng: Tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh có số lượng người nghe đông đảo, việc chọn thời gian phát thanh phù hợp cũng làm tăng đáng kể số lượng người nghe;
  - Có thể thực hiện phát thanh được nhiều lần;
  - Tiết kiệm được thời gian, công sức và tiền của vì không phải tập trung dân tại một điểm để phổ biến pháp luật.
- c) Phương thức thực hiện: Thông qua biên soạn, đăng tải tin, bài, giới thiệu văn bản pháp luật, giải đáp pháp luật, câu chuyện pháp luật, tiểu phẩm...

## 7. LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG TỔ CHỨC CÁC LOẠI HÌNH THI TÌM HIỂU PHÁP LUẬT

**7.1. Thi tìm hiểu pháp luật** là hình thức PBGDPL nhằm động viên, khuyến khích các đối tượng tự tìm hiểu, nghiên cứu pháp luật, góp phần nâng cao hiểu biết pháp luật của đối tượng dự thi nói riêng và người dân nói chung.

### 7.2. Ưu điểm:

- Có nhiều hình thức, loại hình thi tìm hiểu pháp luật như: thi viết, thi sân khấu, thi hái hoa dân chủ, thi trực tuyến có thể lồng ghép nội dung về bình đẳng giới.
- Phát huy được tính tích cực, chủ động tìm hiểu pháp luật của đối tượng dự thi, giúp họ nhận thức sâu sắc hơn nội dung pháp luật cần tìm hiểu, từ đó nâng cao ý thức pháp luật của đối tượng và người thân, bạn bè.

### 7.3. Phương thức thực hiện:

- Có thể tổ chức các cuộc thi với nhiều quy mô khác nhau (trong phạm vi một cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hoặc ở phạm vi một cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh hay toàn quốc);

- Có nhiều hình thức thi: thi viết, thi sân khấu, thi trực tuyến trên mạng, thi hái hoa dân chủ...

## 8. LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG TỔ CHỨC GIAO LƯU TRỰC TUYẾN VỀ PHÁP LUẬT

**8.1. Hiện nay hình thức giao lưu trực tuyến** đang ngày càng trở nên phổ biến. Có rất nhiều báo điện tử tổ chức các diễn đàn để độc giả, khán giả có cơ hội trao đổi với những chuyên gia trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: Báo Pháp luật Việt Nam điện tử, Báo Tuổi trẻ điện tử, Báo Thanh niên điện tử, Báo Vietnamnet...

### 8.2. Ưu điểm:

- Là hình thức hấp dẫn, chủ yếu tập trung vào những vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội, trong đó có vấn đề giới và bình đẳng giới;
- Có tính tương tác cao giữa chuyên gia, nhà quản lý với người dân;
- Là hình thức đổi mới, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL.

**8.3. Phương thức thực hiện:** tổ chức tọa đàm, giao lưu trực tuyến...

## 9. LỒNG GHÉP BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG PBGDPL TẠI NHÀ TẠM LÁNH

**9.1. Mô hình “Địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh”** tại cộng đồng không chỉ là nơi tiếp nhận nạn nhân bị bạo lực gia đình mà còn là địa chỉ tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội về bình đẳng giới, nhằm ngăn ngừa bạo lực có thể xảy ra. Nhà tạm lánh bước đầu nhằm hỗ trợ những đối tượng bị bạo lực, khi bị bạo lực nhiều và gây ra những ức chế về tinh thần, thể chất và có thể ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe thì họ đến đây tạm lánh trong thời gian ngắn. Tại nhà tạm lánh, cán bộ làm công tác PBGDPL thực hiện công tác tuyên truyền kiến thức pháp luật có liên quan đến bình đẳng giới, kỹ năng về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới cho người dân trên địa bàn với các hình thức phù hợp; khuyến khích sự lên án của cộng đồng đối với các hành vi bạo lực trên cơ sở giới.

**9.2. Ưu điểm:** Mô hình “Địa chỉ tin cậy - Nhà tạm lánh” tại cộng đồng đảm bảo an ninh, an toàn, cơ sở vật chất cho đối tượng trong thời gian tạm lánh; người làm việc tại nhà tạm lánh có kiến thức liên quan đến hoạt động trợ giúp nạn nhân hoặc có kinh nghiệm trong việc trợ giúp nạn nhân, do vậy có thể lồng ghép bình đẳng giới trong PBGDPL và đáp ứng yêu cầu bảo đảm tính riêng tư, tránh mặc cảm của người bị xâm hại. Đây là mô hình hiệu quả, phù hợp với những phụ nữ bị bạo lực gia đình.

**9.3. Phương thức thực hiện:** tổ chức tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, thông tin, trao đổi trực tiếp về pháp luật gắn với kỹ năng phòng, chống vi phạm pháp luật về bạo lực gia đình, bình đẳng giới...

## 10. LỒNG GHÉP BÌNH ĐẲNG GIỚI THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

**10.1. Hòa giải ở cơ sở** là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật nhằm giữ gìn đoàn kết trong nội bộ nhân dân, củng cố phát huy những tình cảm và đạo lý truyền thống tốt đẹp trong gia đình. Chính vì vậy, đối với những vụ việc vi phạm pháp luật về bình đẳng giới thì lựa chọn lồng ghép bình đẳng giới trong quá trình hòa giải không chỉ nâng cao hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật về bình đẳng giới mà còn hóa giải, hàn gắn mâu thuẫn phát sinh.

**10.2. Ưu điểm:** Hòa giải ở cơ sở góp giữ gìn đoàn kết trong nội bộ nhân dân, củng cố, phát huy những tình cảm và đạo lý truyền thống tốt đẹp trong gia đình và cộng đồng dân cư, phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong cộng đồng dân cư; tiết kiệm được thời gian, công sức, tiền bạc của chính các bên tranh chấp, cũng như của các cơ quan nhà nước như chính quyền địa phương, tòa án. Việc lồng ghép bình đẳng giới trong hòa giải ở cơ sở vừa giữ gìn, gắn kết tình cảm giữa người có hành vi vi phạm và người bị hại, vừa là một hình thức phổ biến pháp luật hiệu quả, gần gũi, nâng cao hiểu biết pháp luật và quan trọng hơn để cảm hóa, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các bên thông qua việc giải thích, phân tích, thuyết phục các bên tranh chấp.

### 10.3. Một số vấn đề lưu ý về bình đẳng giới trong hòa giải ở cơ sở:

a) Về thể chế: Luật Hòa giải ở cơ sở đã quy định nguyên tắc hoạt động hòa giải là “Bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở” (Khoản 5 Điều 4). Luật cũng quy định về thành phần tổ hòa giải phải có hòa giải viên

nữ (Điều 12) để bảo đảm các cơ hội được tham gia như nhau của nam và nữ vào công tác hoà giải ở cơ sở.

b) Đảm bảo bình đẳng giới trong hòa giải ở cơ sở cần đáp ứng các điều kiện sau:

- Hòa giải viên ở cơ sở có kiến thức về giới và bình đẳng giới, không sử dụng ngôn ngữ mang tính chất định kiến giới, phân biệt đối xử về giới.
- Đảm bảo sự công bằng và bình đẳng của các bên liên quan tới mâu thuẫn, tranh chấp.
- Tôn trọng, không áp đặt quan điểm cá nhân vào vụ việc hòa giải.
- Hòa giải viên ở cơ sở phải bảo đảm vai trò trung lập.
- Bảo đảm có sự tham gia của hòa giải viên nữ trong tổ hòa giải ở cơ sở. Luật Hòa giải ở cơ sở đã quy định nguyên tắc hoạt động hòa giải là “Bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở” (Khoản 5 Điều 4). Luật cũng quy định về thành phần tổ hòa giải phải có hòa giải viên nữ (Điều 12) để bảo đảm các cơ hội được tham gia như nhau của nam và nữ vào công tác hoà giải ở cơ sở. Quy định này để bảo đảm bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải ở cơ sở.

c) Một số kỹ năng hòa giải vụ việc có yếu tố bạo lực gia đình, bất bình đẳng giới

\* Kỹ năng giao tiếp:

Trong quá trình giao tiếp với các bên, hòa giải viên cần sử dụng ngôn ngữ (lời nói, hành động, cử chỉ) có nhạy cảm giới, cụ thể là: sử dụng ngôn ngữ trung tính về giới hoặc ngôn ngữ có nhạy cảm giới; không sử dụng ngôn ngữ loại

trừ phụ nữ; không sử dụng ngôn ngữ đề cao vị thế của đàn ông; thể hiện sự tôn trọng và lịch sự qua ngôn ngữ cơ thể.

\* Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn: Các mâu thuẫn cần được phân tích dưới góc độ bình đẳng giới thông qua các tiêu chí sau:

- *Vai trò của giới và sự phân công lao động*: Ví dụ như tranh chấp có liên quan đến tài sản hình thành sau hôn nhân thì phụ nữ thường bị coi là không có đóng góp gì vì chỉ ở nhà, sinh con và làm việc nhà (những công việc không tạo ra của cải vật chất). Do đó, vai trò đóng góp của nữ giới đã không được công nhận.
- *Tác động giới và nhu cầu, lợi ích cụ thể của từng giới*: Vụ việc mâu thuẫn đó có ảnh hưởng như thế nào đến lợi ích của mỗi giới, phương án giải quyết mâu thuẫn có ảnh hưởng như thế nào đến đời sống của các bên. Ví dụ, người phụ nữ không có thu nhập, không được chia tài sản do bị cho là không có đóng góp gì trong thời gian kết hôn, điều này ảnh hưởng đến cuộc sống của họ như thế nào.
- *Sự khác biệt của mỗi giới về tính cách, đặc trưng, lối sống*: Mỗi giới có những đặc trưng riêng trong cách giải quyết mâu thuẫn, trong tính cách. Ví dụ như nam giới thường hay nóng giận, nói to, có thiên hướng sử dụng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn. Sự khác biệt về tính cách, lối sống có thể là nguyên nhân gây ra xung đột, mâu thuẫn nếu không hiểu và chia sẻ với nhau.
- *Sự ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa, phong tục, tập quán, truyền thống đối với vai trò của mỗi giới*: Ví dụ, ở những khu vực miền núi, phụ nữ thường chỉ ở nhà sinh con, làm công việc nội trợ, hoặc không được đứng tên

trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các phong tục, tập quán lạc hậu, cổ hủ có thể ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của một trong hai giới, là nguyên nhân dẫn đến xung đột, mâu thuẫn.

- *Sự tham gia vào quá trình ra quyết định*: sự tham gia của mỗi bên trong vụ việc và quá trình đưa ra các phương án giải quyết mâu thuẫn, ý kiến của các bên có được tôn trọng không, có sự phân biệt đối xử, hay định kiến giới không. Ví dụ: Có quan điểm cho rằng, phụ nữ không có vai trò gì trong việc đưa ra các quyết định, hay ý kiến của phụ nữ không quan trọng.

\* Kỹ năng giúp đỡ các bên thỏa thuận, thương lượng

- Một cuộc thương lượng có kết quả chủ yếu phụ thuộc vào mức độ sẵn sàng về tinh thần và tâm lý để theo đuổi một mục tiêu. Trong quá trình hòa giải, hòa giải viên cần nắm rõ thông tin, hiểu rõ về nguyên nhân của mâu thuẫn, các vấn đề về tranh chấp, lợi ích, nguyện vọng của mỗi bên và phân tích rõ vấn đề giúp các bên thỏa thuận, thương lượng về các giải pháp giải quyết mâu thuẫn.
- Để giúp các bên đạt được thỏa thuận, cần tách biệt vấn đề của mỗi bên, không phụ thuộc vào ý kiến chủ quan của họ; tập trung vào các lợi ích, tổng hợp các ý kiến và sử dụng các tiêu chí để đánh giá các thông tin một cách khách quan nhất; giúp các bên tiếp cận theo hướng đôi bên cùng có lợi và khôi phục lòng tin và xây dựng lại mối quan hệ giữa các bên, giảm thiểu các nguy cơ xung đột.

\* Kỹ năng thu thập và phân tích thông tin:

- Khi một hoặc hai bên chia sẻ thông tin họ thường chia sẻ dựa trên quan điểm và ý chí chủ quan của họ, nhằm mục đích để bảo vệ lợi ích của họ và thường “đổ lỗi” cho phía bên kia. Do đó, hòa giải viên cần có kỹ năng thu thập, phân tích các thông tin, chứng cứ để xem xét các thông tin, chứng cứ thu thập được đã đủ căn cứ để đưa ra các giải pháp giải quyết mâu thuẫn của các bên hay chưa? Hòa giải viên cần lưu ý luôn đóng vai trò trung lập, không thiên vị hay thể hiện sự giúp đỡ bất kỳ bên nào. Khi thu thập thông tin, hòa giải viên cần lưu ý có yếu tố bất bình đẳng giới không?
- d) Chú ý lựa chọn hòa giải viên tham gia các vụ việc hòa giải có yếu tố bất bình đẳng giới, nhất là bạo lực gia đình. Đối với đối tượng hòa giải là phụ nữ, cần lựa chọn hòa giải viên nữ tham gia; đối với đối tượng là nam giới, cần lựa chọn hòa giải viên nam hoặc/và hòa giải viên nữ tham gia để tạo thuận lợi cho việc tìm hiểu, nắm bắt, chia sẻ, động viên và thực hiện hòa giải.



# PHỤ LỤC

## DANH MỤC NGUỒN THÔNG TIN HỮU ÍCH CHO ĐGTĐCS

STT	Tên nguồn dữ liệu	Mô tả
	Chính phủ ( <a href="http://chinhphu.vn">http://chinhphu.vn</a> )	Website của Chính phủ có đầy đủ các thông tin về số liệu NSNN, hệ thống các văn bản pháp luật, chính sách phát triển kinh tế xã hội, các chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội trọng điểm quốc gia, các chương trình khoa học công nghệ, tình hình kinh tế xã hội và các thông tin cần thiết khác
	Website của Cơ quan đại diện Liên hiệp Quốc và Chương trình phát triển Liên hiệp quốc tại Việt Nam ( <a href="http://www.un.org.vn">http://www.un.org.vn</a> ) ( <a href="http://www.vn.undp.org">http://www.vn.undp.org</a> )	Website của Cơ quan đại diện Liên hiệp quốc và Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc có nhiều báo cáo phân tích về tình hình kinh tế, xã hội, cải cách hành chính, BĐG và nhóm yếu thế, môi trường, tình hình thực hiện các Công ước Quốc tế về quyền con người của Việt Nam... Website có hai ngôn ngữ Anh - Việt.
	Ngân hàng Thế giới ( <a href="http://www.worldbank.org/vi/country/vietnam">http://www.worldbank.org/vi/country/vietnam</a> )	Website của Ngân hàng Thế giới có các thông tin, nghiên cứu về tình hình kinh tế, xã hội, môi trường ở Việt Nam. Website có nhiều ngôn ngữ trong đó có tiếng Việt
	Tổng cục Thống kê ( <a href="https://www.gso.gov.vn">https://www.gso.gov.vn</a> )	Trang thông tin của Tổng cục có đăng tải các số liệu thống kê của các ngành, các lĩnh vực khác nhau trong nền kinh tế quốc dân, số liệu về dân cư tại các địa phương, trang thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt.
	Bộ Tài chính ( <a href="http://www.mof.gov.vn">http://www.mof.gov.vn</a> )	Trang thông tin của Bộ Tài chính có các số liệu thống kê tài chính như chi tiêu NSNN, nợ nước ngoài, bảo hiểm, các quy định pháp luật và TTHC liên quan đến ngành tài chính, trang thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt

STT	Tên nguồn dữ liệu	Mô tả
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư ( <a href="http://www.mpi.gov.vn">http://www.mpi.gov.vn</a> )	Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cổng thông tin quốc gia về giám sát, đánh giá đầu tư, có các thông tin, số liệu và chỉ tiêu kinh tế-xã hội, số liệu thống kê về đăng ký doanh nghiệp, số liệu đầu tư trực tiếp nước ngoài, báo cáo Mục tiêu thiên niên kỷ, cổng thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt
	Bộ Công thương ( <a href="http://www.moit.gov.vn">http://www.moit.gov.vn</a> )	Cổng thông tin điện tử Bộ Công thương có số liệu thống kê về thương mại, doanh nghiệp, xuất khẩu, công nghiệp, nông lâm thủy sản, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, số liệu thống kê nước ngoài, có các báo cáo tổng hợp của ngành, thống kê về nhượng quyền thương mại, cổng thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn <a href="http://www.mard.gov.vn/">http://www.mard.gov.vn/</a>	Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có các báo cáo thống kê theo tháng, cơ sở dữ liệu về thống kê - thông tin an ninh lương thực, cổng thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt
	Bộ Giáo dục và Đào tạo <a href="http://moet.gov.vn/">http://moet.gov.vn/</a>	Website của Bộ Giáo dục và Đào tạo có số liệu thống kê về giáo dục mầm non, phổ thông, chuyên nghiệp và đại học
	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội <a href="http://www.molisa.gov.vn/">http://www.molisa.gov.vn/</a>	Cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội có các thông tin về lao động, chính sách xã hội, có cơ sở dữ liệu kinh tế-xã hội tổng hợp, cổng thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt
	Bộ Tài nguyên và Môi trường <a href="http://monre.gov.vn/wps/portal/">http://monre.gov.vn/wps/portal/</a>	Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường có các thống kê ngành tài nguyên môi trường, cổng thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt
	Trung tâm WTO ( <a href="http://trungtamwto.vn">http://trungtamwto.vn</a> )	Trang tin về Hội nhập kinh tế quốc tế của Trung tâm WTO - VCCI có số liệu thống kê về phát triển kinh tế quốc tế bằng tiếng Anh
	Hải quan Việt Nam ( <a href="http://www.customs.gov.vn">http://www.customs.gov.vn</a> )	Trang thông tin của Tổng cục Hải quan có các dữ liệu về tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam qua các năm, trang thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt

STT	Tên nguồn dữ liệu	Mô tả
	Tổng cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình ( <a href="http://www.gopfp.gov.vn">http://www.gopfp.gov.vn</a> )	Trang tin của Tổng cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình có các số liệu về dân số, sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình, trang thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt
	Cục Kiểm soát thủ tục hành chính ( <a href="http://thutuchanhchinh.vn">http://thutuchanhchinh.vn</a> )	Trang thông tin của Cục Kiểm soát TTHC có cơ sở dữ liệu TTHC của Việt Nam, phương pháp rà soát, ĐGTĐ, kiểm soát TTHC.
	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch <a href="http://www.bvhttdl.gov.vn/">http://www.bvhttdl.gov.vn/</a>	Cổng thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có chỉ tiêu, số liệu thống kê cơ bản ngành văn hóa, thể thao và du lịch qua các năm
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam <a href="http://www.sbv.gov.vn/">http://www.sbv.gov.vn/</a>	Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan đến lĩnh vực ngân hàng như cán cân thanh toán quốc tế, hoạt động thanh toán, hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng, dư nợ tín dụng kinh tế, cổng thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt
	Ủy ban Dân tộc <a href="http://www.cema.gov.vn/">http://www.cema.gov.vn/</a>	Cổng thông tin điện tử của Ủy ban Dân tộc có dữ liệu về 54 dân tộc Việt Nam, cổng thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt
	Bộ Tư pháp ( <a href="http://www.moj.gov.vn">http://www.moj.gov.vn</a> )	Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp có các số liệu thống kê liên quan đến tư pháp như thi hành án dân sự; hành chính tư pháp; trợ giúp pháp lý; bảo trợ tư pháp, xây dựng, thẩm định, kiểm tra VBQPPL, phổ biến giáo dục pháp luật, nuôi con nuôi..., cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật. Cổng thông tin có hai ngôn ngữ Anh - Việt
	Cơ sở dữ liệu Luật Việt Nam ( <a href="http://luatvietnam.vn">luatvietnam.vn</a> ) Hoặc Thư viện pháp luật ( <a href="http://thuvienphapluat.vn">thuvienphapluat.vn</a> )	Cơ sở dữ liệu các VBQPPL Việt Nam (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) từ năm 1945 trở lại đây. Hệ thống này có tính phí sử dụng. Các văn bản có thể tra cứu được hiệu lực của văn bản và các thuộc tính khác như mối quan hệ tham chiếu...







# EU JULE

Hướng tới hệ thống pháp luật  
và tư pháp cho mọi người



BỘ TƯ PHÁP



LIÊN MINH CHÂU ÂU

unicef   
for every child  
UNICEF VIỆT NAM